NAM THU BA – SỐ 80 GIÁ 0$15 9 JUILLET 1931

Phụ-nữ Tân-văn

TUẦN BÁO XUẤT BẢN NGÀY THỨ NĂM

Phàn son tô điểm sơn-hà,
Làm cho rỏ mặt đàn-bà nước Nam.

IMPRIMERIE-LIBRAIRIE
F. VIET

DÉPÔT LÉGAL

TÒA BÁO
(RÉDACTION ADMINISTRATION)
N° 42, Rue Catinat, N° 42
SAIGON

THE DRAGON
IMPERMÉABLE DE GRAND LUXE

Bổn hiệu lâm Đại-lý hiệu áo mưa nầy đã 5 năm rồi, được qui khách xa gần ưa chuộng lắm. Thứ áo nầy may bằng fil cho nên dùng được bền bỉ không mau rách như thứ bằng vải.

Lại được một điều qui đặc biệt hơn hết là : nó không trổ màu, dầu khi dùng cho tới rách cũng còn màu sắc y như lúc mới. Ni tấc rất vừa vặn theo vóc vạc người Annam.

Thứ cổ thường giá. . . 24 $ 00

Thứ cổ nhung giá. . . 26 $ 00

Thứ mồng cho đàn bà, tay và bâu bằng nhung giá. . . 24 $ 00

Đại-lý bán sĩ và bán lẻ trong cõi Đông-Pháp

Hiệu NGUYEN-ĐUC-NHUAN

42, Rue Catinat Saigon

N.B.— Khi mua áo xin nhớ nói rõ bề dài từ bâu chí tròn ; và bề dài cái tay, từ xương sống chí cườm tay, cho 2 ni đo là đủ.

THE DRAGON
IMPERMÉABLE DE GRAND LUXE

PHU NỮ TAN VAN

Năm thứ ba, số 90—9 Juillet 1931

Chủ-nhơn .: Mme Nguyễn Đức Nhuận
Chủ-nhiệm .: M. Nguyễn Đức Nhuận
Báo-quán .: 42, Rue Catinat Saigon
Số dây nói .: 566, Saigon
Dây thép tắt.: Phunutanvan Saigon

Giá báo — Một năm 6$00 — Sáu tháng 3$50 — Ba tháng 1$80 — Mua báo phải trả tiền trước, thơ từ và mandat xin gởi cho M. Nguyễn-đức-Nhuận chủ-nhiệm Phụ-nữ Tân-văn, 42, Rue Catinat Saigon.

YẾU MỤC

1·—Cho con đi học bằng mắt.— P. N. T. V.
2·—Tục kiêng tên.—PHAN-KHÔI.
3·—Thay đầu vật nầy qua vật kia.—VÂN-ANH.
4·—Người đàn bà bắt-trinh bị chặt đầu.—V. A.
5·—Ý muốn của người đời.—Mme VÂN-ĐÀI.
6·—Gái-góa (*dịch thơ La Fontaine*)
V... V...

CÔNG VIỆC TRONG NHÀ — VỆ-SANH — VĂN-UYỂN
TIỂU-THUYẾT «Con nhà giàu» — PHẦN NHI-ĐỒNG

Cha mẹ nên nhơn lúc nghỉ hè nầy

CHO CON ĐI HỌC BẰNG MẮT

Sau chín tháng học tập chuyên-cần, trí-não mệt nhọc, đến mùa nầy là mùa các trường đóng cửa, để cho học trò lớn nhỏ nghỉ ngơi.

Ở các nước phương tây, hay là ở nước Nhựt bên phương đông với ta đây cũng vậy, việc giáo-dục nhi-đồng của họ đã mở mang rộng rải ; lại không có một cơ-hội hoặc là một cách thức nào có ích cho con trẻ mà họ lại không lợi dụng. Tức như vụ nghỉ hè nầy, không phải họ nhốt con trẻ ở nhà, cho chúng ăn chơi gì tự ý như ta đâu ; họ dắt chúng đi chỗ nầy chỗ khác ; ở nhà quê thì lên tỉnh-thành ; ở tỉnh-thành thì về nhà quê ; đi lên núi cao, đi ra bãi biển ; tìm nơi cổ-tích cho viếng, dẫn tới công-xưởng cho xem. Đem chúng đi cho biết đó biết đây như thế, tức là cho chúng có dịp rộng rải kiến-văn, mở mang trí-não ra. Rất đỗi họ làm cách trao đổi con nít trong các nước với nhau : ví dụ bên Pháp cho mấy trăm con trẻ qua Đức, bên Đức cũng cho mấy trăm con trẻ qua Pháp, có người chỉ dẫn dìu dắt cho chúng thăm viếng phong-cảnh nọ, xem xét sự vật kia, một ít lâu rồi về.

Lợi-dụng lúc nghỉ trường mà cho con nít đi chơi, chính là cách dạy nó học bằng mắt vậy. Bảy lâu ngồi đầu ghế nhà trường, nghe giảng nhưng núi sông sự vật ở trên sách, nay đất tới nơi cho chúng nó thấy tận mắt, thì chẳng những là khiến cho chúng mau nhớ, mau hiểu, mà lại dễ gây nên cảm-giác, và mở rộng

kiến-văn ra cho chúng nữa, như vậy chẳng phải là một cách chơi có ích cho sự học của chúng lắm sao?

Xứ ta, chúng tôi thấy đến vụ nghỉ hè như lúc nầy, là cha mẹ bắt con ở riết trong nhà, không muốn cho rời đi đâu nữa bước. Chẳng ăn hàng thì đánh lộn, chẳng vọc đất thì leo cây; loanh quanh có vậy mà nó hết mấy tháng nghỉ ngơi, chớ nó không được nhơn dịp đó để đi viếng thăm xem xét những phong-cảnh sự vật trong nước, cho tầm con mắt của nó được thấy xa, khối óc non của nó được mở rộng ra đâu.

Nhiều người nghĩ rằng con mình học tập cả năm mệt nhọc và bấy lâu cách biệt xa xuôi, giờ được dịp nghỉ thì để cho nó ở hũ-hĩ trong nhà, ra vào ôm ấp, muốn ăn gì cho ăn, muốn chơi gì cho chơi, vậy mới là thương con. Lòng thương con như thế, tiếng rằng xác thịt nó được buông lung, mà kỳ thiệt là tinh-thần nó bị tù túng vậy. Còn những cái hại trong lúc nghỉ học, bởi sự chìu chuộng của cha mẹ, cùng là bởi cách chơi nghịch của đứa trẻ mà sanh ra thiệu gì. Tưởng người làm cha mẹ có biết lợi-dụng lúc nghỉ hè mà dạy con học bằng mắt, như cách của người ta, đã nói ở trên đây, vậy mới thiệt là thương con.

Chúng tôi khuyên các nhà có con cái, nên nhơn lúc nầy dắt con đi chơi chỗ nầy chỗ kia; dắt nó đi mà mỗi nơi chỉ dẫn cho nó thấy, mỗi việc giảng giải cho nó nghe, thì biết bao nhiêu non sông cảnh vật kia đều là bài học thiên-nhiên về cách-trí, địa-dư, lịch-sử, có ích cho nó cả.

Ở tỉnh-thành thì dắt nó về hương-thôn, chỉ cho nó thấy những công việc làm ăn, dân-gian tật khổ; nó sẽ động lòng thương yêu giống nòi.

Ở hương-thôn thì dắt nó lên tỉnh-thành, chỉ cho nó thấy bao nhiêu cơ-quan tiến hóa, bao nhiêu công cuộc lớn lao; nó sẽ mở được cái óc hẹp hòi bấy lâu, và biết nông nỗi học-hành tiến-thủ.

Sông rộng núi cao, nào là chỗ kỳ-công của tạo-hóa; bia tàn miếu cổ, nào là chỗ di-tích của anh-hùng; kìa bức tường đổ, nọ gốc cây xưa, nào là những chỗ ghi chép các chuyện vinh nhục hưng vong trong lịch-sử; trong khi đi dạo, mà gặp mấy cái đó, chỉ ra cho nó thấy, giảng rõ cho nó nghe, tự nhiên là nó biết tưởng nhớ đến công-nghiệp của tiền-nhơn, và có quan-niệm cao xa về quốc-gia chủng-tộc.

Nói tóm lại, đã biết cách dẫn nó đi chơi, thì bất cứ một sự vật gì, đều có thể là một bài học bằng mắt cho nó hết cả. Nó được đi chơi, đã thấy khoan khoái vui vẻ, lại được học bằng mắt, thì càng mau nhớ mau hiểu, và có ích chắc chắn sâu xa cho nó hơn là học trên sách vở nhiều lắm. Phương-ngôn tây nói: « Đi tức là học » và ta cũng thường nói: « Đi một bước đàng, học một sàng khôn » chính là vậy đó.

Chúng tôi mong rằng ai có con cũng hiểu cách giáo-dục cho con trẻ như thế là cần ích, thì phải nên tùy sức của mình mà làm, chớ không nên quá giảm cắm chìu chuộng nó, mà bỏ qua cái cơ-hội mở rộng kiến-văn, bồi-bổ trí-thức cho nó lúc nầy, thật là uổng lắm.

Phụ-nữ tân-văn

Ý-KIẾN CHÚNG TÔI ĐỐI VỚI THỜI-SỰ

Chánh-trị-phạm ta có được Đại-xá chăng?

Mới rồi đọc các báo hằng ngày, tưởng ai cũng thấy đăng cái tin như vầy:

«Quan Hình-bộ Tổng-trưởng Bérard đã thảo một « bổn dự-luật Đại-xá, thi-hành rộng tới những « người bị án ở Colmar ».

Cái tin vắn tắt ấy làm cho chúng tôi có chút hi-vọng nảy ra ở trong óc.

Đại-xá (*amnistie*) là một cái ơn-điển của nhà nước thi-hành trong lúc có việc gì vui mừng, để tha tội cho những người bị án, thứ nhứt là chánh-trị-phạm. Chắc hẳn trong lúc nầy nước Pháp nhơn có quan Tổng-thống mới là ông Paul Doumer lên kế-vị, cho nên ông Bérard muốn xin ban ơn Đại-xá.

Tin trên kia nói rằng ơn Đại-xá sẽ thi-hành rộng tới bọn bị án ở Colmar. Tưởng nên nói sơ cho biết bọn bị án ở Colmar là thế nào? Bọn ấy tức là chánh-trị-phạm. Số là mấy năm trước, ở hai tỉnh Alsace, Lorraine mà nước Pháp mới khôi phục lại được từ hồi chiến-tranh, nổi lên một bọn kêu là phái « biệt-lập » (*les séparatistes*), muốn cho hai tỉnh ấy độc-lập, không thuộc về nước Pháp nữa. Âm-mưu bại lộ ra, những người chủ-động đều bị đem ra tòa Đại-hình ở Colmar xử. Bởi vậy nên kêu là những người bị án ở Colmar.

Nay nước Pháp mở lòng quảng-đại, muốn tha thứ tới những người « biệt-lập » ở Colmar, thì chúng tôi cũng mong rằng nước Pháp cũng tha thứ cho bọn « bạo-động » ở nước Nam nầy nữa.

Nghĩa là chúng tôi mong cho các chánh-trị-phạm của ta cũng được nước Pháp ban ơn Đại-xá.

Chúng tôi thiết tưởng trong hai năm nay, oai-nghiêm của nước Pháp đã bày tỏ ra như thế là đủ rồi, giờ nên bày tỏ ra nước Pháp có lượng khoan-hồng là phải. Huống chi lúc nầy quan Toàn-quyền Pasquier lãnh cái sứ-mạng trở qua thi-hành mọi việc cải-cách cho dân chúng tôi, thì chính là lúc nên quên bỏ chuyện xưa, tha thứ lỗi cũ cho dân, để chỉ tỏ cho dân thấy lòng rộng rải của nước Pháp.

Đại-xá cho cả chánh-trị-phạm Việt-nam, không phải là dấu tỏ rằng cái thinh-thế của nước Pháp yếu đi, kỳ thiệt là dấu tỏ rằng nước Pháp đã có oai rồi, lại có ơn nữa vậy.

Trong đám chánh-trị-phạm bấy lâu, có chị em chúng tôi cũng nhiều. Ví dụ như nay mai thấy người như cô Bắc, được đem đứa con nhỏ, để trong ngục lúc nọ, về nhà nuôi nấng dạy dỗ, lạc nghiệp an cư, thì ai thấy cái cử-chỉ rộng rải ấy của nước Pháp mà không cảm-động cho được.

Ôi! các ông lớn làm việc.

Cách mấy tháng trước đây, có năm ông lớn ở Saigon nầy, thầy-kiện cò, đốc-tơ cò, chú băng cò, nhà giàu cò, ngồi xúm quanh cái bàn, vuốt ngực thở ra, nói với nhau: « Trời ôi! Dân còn ngu, nước nhiều việc, mà phải kia làm dở, người nọ rất hèn, lấy ai đâu binh vực đồng-bào, gánh vác

việc nước cho bây giờ ; anh em ta phải ra làm việc xã-hội mới được. » Rồi không hẹn nhau mà ăn ý với nhau quá : mỗi ông nắm tay thật chặt, vỗ xuống bàn cái rầm, nói lớn rằng :

« Ta chung nhau mỗi đứa một ngàn, mua máy « mua chữ về làm một tờ báo chữ Tây, một tờ báo « quốc-ngữ, để binh-vực quyền lợi và mở mang trí « não cho dân. »

Câu chuyện nghe rôm làm sao ! Tâm chí hăng hái làm sao ! Ai thấy vậy mà không mừng cho vận mạng nước Nam, may phước có các ông tai to mặt lớn như thế.

Vậy rồi một ông trong bọn, sốt sắng hơn hết, bỏ ra một ngàn đồng, gởi trước qua Tây để mua máy mua chữ. Ai cũng trông mong được đọc báo xem văn của các ông thầy-kiện đốc-tơ dạy khéo mở ngu cho mình.

Thất-vọng chết đi !

Đến chừng máy và chữ qua tới nơi, là lúc phải bỏ tiền ra để lãnh về, thì ông nào ông nấy thụt mất. Chẳng báo thì đừng ! chẳng khai hỏa cũng thây kệ ! chẳng thượng-lưu cũng cam ! chớ bây giờ bỏ tiền ra xót ruột lắm. Thế là cái tiếng vỗ bàn, cái dọng thở ra, mới cách có mấy tháng, bây giờ bay đi đâu mất cả.

Các ông lớn nhà ta, hạng thượng-lưu của xã-hội ta, làm chuyện đời và lo việc nước là như vậy đó. Thượng lưu của người ta, hi-sanh cả thân-danh tài-sản với dân với nước, còn chưa lấy làm vừa lòng, còn thượng-lưu nhà mình mới làm việc nhỏ mọn, bỏ số bạc ngàn, mà đã nguội lạnh lơ là như thế kia, thật càng suy nghĩ chừng nào càng buồn, càng so sánh chừng nào càng thấy mắc cỡ với người ta chừng nấy.

Chúng tôi trách các ông đi học tây về cũng phải.

Hay là có người cho rằng xã-hội Việt-nam chưa có thượng-lưu cũng phải.

Bấy lâu ta vẫn nghe bên Huê-kỳ có trường dạy thú-vật, có chó cũng đậu « bác-sĩ. » Hình in đây là quang-cảnh trường dạy chó ở châu Los Angeles; mấy cậu đang ngồi chờ thi tốt-nghiệp, ta thấy một cậu đang vẽ hình trên bảng đen, tức là làm bài thi đó.

Một cái tục, nếu không bỏ đi thì bất tiện:

TỤC KIÊNG TÊN

Hiện nay xã-hội ta đương ở vào thời-kỳ quá-độ (1). Có nhiều việc, đã thấy bên mới là tiện-lợi mà theo rồi, song bên cũ cũng vẫn còn giữ đó. Như các nhà ở thành-phố, trên bàn-thờ đã có giây đèn-điện năm ngọn hay ba ngọn, mà cũng còn để chơn đèn bằng đồng thấp dầu phụng theo với bộ ngũ-sự cho chật chỗ ; dưới bếp đã có máy nước, vặn khi nào chảy khi nấy, mà cái gàu với đòi thùng gánh nước cũng còn treo tòn-ten. Những sự ấy, để yên thì thôi, chớ dở ra nói, thì ai cho khỏi phì cười, phì cười vì cái sự mình làm nó gần như là vô nghĩa.

Thuộc về vật-chất, những đều chống-báng nhau ấy cũng chẳng hại chi : ai rộng nhà thì chứa những chơn-đèn đồng, gàu và thùng gánh nước ấy có nhiều mấy cũng chẳng đến nỗi hết chỗ ăn chỗ nằm đâu mà sợ. Duy có những đều nào chống cháng nhau về tinh-thần, thì thật là khó lòng ; bởi vì cứ giữ cái cũ hoài thì nó cứ làm ngạnh với cái mới, rồi cái mới phải mất thì giờ nhiều lắm mới làm quen với xã-hội được.

Bởi vậy tôi muốn ví dụ cái mới với cái cũ ở xã-hội ta ngày nay cũng như hai vợ chồng : Hai vợ chồng không vừa mắt nhau, đến nỗi làm như mặt trăng với mặt trời, muôn phần không còn phần nào ở đời với nhau được ; vậy mà nói đến chuyện ly-dị thì không bên nào dám hở môi, vì sợ cái tiếng dở đỗ về mình, nên cứ làm thinh để đủ đưa vậy thôi. Cái mới với cái cũ ở trong xã-hội ta ngày nay, thật là không dung nhau, nhưng lại chưa hề quyết-tuyệt nhau, khác nào như vậy ?

Đối với cặp vợ chồng ấy, người ngoài ai cũng muốn *thành nhân chi mỹ* chớ có *thành nhân chi ác* làm chi, nên lại cứ khuyên mỗi bên chịu mỗi chút đặng ở đời với nhau ; song đến cái đã không chịu dính thì thôi, có trời xuống mà cột nó cũng không dính được, thành ra lời khuyên kia cũng vô hiệu.

Theo ý tôi, khi gặp như vậy, phải lấy sự lợi-hại của đời mình làm trọng, còn miệng lằn lưỡi mối, thây kệ nó, chớ nên quẫn đến mà để sự lầm-lỡ cho đời mình. Vậy nên, đối với vợ chồng kia, tôi khuyên họ ly-dị đi, kẻ không vợ kiếm vợ khác, kẻ không chồng kiếm chồng khác mà làm ăn thế nào, thì đẳng nầy, khi cái cũ với cái mới không dung nhau, tôi cũng khuyên người ta liệu mà quyết-tuyệt đi, hễ lấy củ thì bỏ mới, hễ lấy mới thì bỏ cũ thể ấy.

Như cái ý của tôi đó, chắc có nhiều người cho là cấp-tấn hoặc vong bổn. Nhưng, ai nói vậy là tại họ không nghĩ cho kỹ. Chớ đã nghĩ cho kỹ, thấy chồ nó không dung nhau là thế nào, thấy chỗ lợi-hại của đời mình là thế nào, rồi tưởng cũng phải làm như lời tôi. Nếu không làm như lời tôi, thì cuộc đời lại thành ra mâu-thuẫn, đề-ngỗ, chẳng có ý-nghĩa gì hết.

Trong nhiều việc, lấy ra một việc rất tầm thường mà nói, là sự kiêng tên (1). Tôi xin rao trước lên một câu rằng : Kiêng tên là một cái tục cổ của nước mình, đến ngày nay vẫn còn giữ, nhưng ngày nay ta lại cũng có cần dùng những sự khác, mà những sự nầy lại tương-phản với sự kiêng tên, nên hễ không bỏ cái tục kiêng tên đi, thì có đều bất-tiện cho ta lắm vậy.

* * *

Kiêng tên, nói là cái tục mà vốn nó là cái lễ ; lễ thì còn đáng qui hơn tục nữa. Cái lễ ấy ta bắt chước theo người Tàu, mà người Tàu bày ra cái lễ ấy rất xưa.

Trước đây độ ba ngàn năm, vua nhà Châu lập ra lễ-nhạc chế-độ ; trước hết rất trọng sự tế-tự nơi tông-miếu để tôn-kính tổ-tiên mình. Bởi đó bày ra phép « hủy-», (2) không dám nói động đến tên tổ-tiên, cũng là một cách để tỏ niềm tôn-kính vậy.

Theo cái ý-nghĩa đó thì chỉ kiêng tên người chết rồi mà thôi, chớ không kiêng tên người còn sống. Vả lại, sự kiêng cũng có giới-hạn, không phải gặp khi nào cũng kiêng hết thảy như các đời sau. Theo

(1) *Quá-độ* (過渡) là vượt ngang qua sông, khi đã lìa bờ bên nầy rồi mà chưa đến bên bờ kia; dùng để chỉ lúc bắt đầu cải-cách, ở giữa sự mới và cũ. Chữ nầy khác với chữ *quá-độ* (過度), nghĩa là *vượt qua mực thường, thái quá, quá chừng.*

(1) Kiêng tên, có nơi nói là *cữ tên* hay *húy tên.*

(2) Chữ viết là 諱, nghĩa là kiêng tên.

lễ thì như là chỉ có lúc nói chuyện thường mới kiêng, cho nên có dạy rằng « không kiêng trong khi đọc sách và viết chữ. » (1) Cũng vì đó nên vua Văn-Vương nhà Châu tên Xương, vua Võ-Vương tên Phát, mà người nhà Châu không kiêng hai chữ ấy, trong kinh Thi có câu « Khắc *xương* khuyết hậu » (2) và Trường *phát* kỳ tường. » (3)

Lại theo Lễ, thì chỉ cái chữ chánh tên mới kiêng mà thôi, chớ chữ đồng-âm với tên cũng không kiêng ; và như cái tên đôi thì duy có khi nào gặp hai chữ ấy đi liền với nhau mới kiêng, chớ không kiêng độc chiếc một chữ. (4) Coi đó thì cái luật kiêng tên đời xưa cũng còn rộng-rải dễ chịu, không đến nỗi bó-buộc quá.

Hình như hồi đầu mới đặt ra luật nầy thì duy có nhà vua mới được dùng mà thôi ; những tên của nhà vua mà người trong nước phải kiêng, kêu bằng « quốc húy ». Nhưng đến sau rồi nhà sĩ-phu cho đến thứ-dân cũng được phép kiêng tên tổ-tiên mình, kêu bằng « gia húy », sự ấy, thì tôi không rõ bắt đầu từ hồi nào. Trong kinh Lễ, chỗ thích nghĩa « nhị danh bất thiên húy », có lấy cái lệ (*exemple*) như vầy : « Như mẹ đức Khổng-tử, tên là Trưng-Tại, vậy khi nào nói *trưng* thì chẳng nói *tại*, khi nào nói *tại* thì chẳng nói *trưng*. » (5) Theo đó thì về đời đức Khổng, đã có gia-húy rồi vậy.

Từ nhà Hán về sau, đời càng xuống chừng nào thì cái luật húy càng nghiêm chừng nấy. Như vua Hán Cao-tổ tên *Bang*, thì đổi chữ « *bang* » làm chữ « *quốc* » ; vua Đường Thái-tôn tên *Dân* thì đổi chữ « dân » làm chữ « nhân » Người nhà Hán không được dùng chữ *bang* cũng như người nhà Đường không được dùng chữ *dân*, mà hai chữ ấy thành ra bị bỏ đứt.

Vả lại như vua Đường Thái-tôn tên *Thế-Dân*, ấy là tên đôi, theo lễ, có kiêng độc chiếc một chữ « Dân » đâu, vậy mà người nhà Đường phải kiêng một chữ «dân», như thế muốn nói là nghiêm hơn lễ cũng được, hay muốn nói là trái với lễ cũng được.

Đến các vua đời sau, kiêng cả những chữ đồng-âm, cho nên có khi vì một cái tên mà kiêng đến mấy chục chữ ; lại khi đọc bắt phải trại tiếng, khi viết bắt phải bớt nét, gặp chữ chính tên thì cấm tuyệt không cho dùng. Mà có phải húy một mình tên vua thôi đâu, nào mẹ vua, nào vợ vua, cũng đều có húy cả. Cho nên có người sợ rằng nếu trong nước mà cứ một họ làm vua hoài thì có ngày phải hết chữ, chữ nào còn lại thì cũng sứt mẻ không nên thân !

Lịch triều nước ta cũng theo luật húy ấy của Tàu. Đến triều Nguyễn lại càng nghiêm hơn. Hồi trước, đi thi, mà ai phạm húy nặng lắm, có khi bị đến tội « đỗ », chớ không phải dởn.

* * *

Sự quốc húy trên đó tuy là nghiêm nhặt mà còn dễ chịu, vì nhà vua kiêng tên gì có sức ra cho nhân dân biết ; lại phạm húy nặng nhẹ thế nào thì mắc tội nặng nhẹ thế nào, cũng có điều luật hẳn hòi, cho ai nấy biết mà tuân theo. Chớ đến cái gia húy, tuy không tội lệ chi, nhưng nó làm cho trong xã-hội sanh ra nhiều sự rắc rối khó chịu lắm.

Sự nầy sanh ra bởi một vài ông quan to. Mấy ổng thấy vua có quyền bắt người ta húy tên mình cùng tổ tiên mình, thì mấy ổng tưởng mình cũng có quyền ấy. Mấy ổng quên lửng đi rằng làm như vậy, đối với vua là tiếm.

Thuở trước ở Nam-kỳ có hai ông quyền thế không kém gì vua, trước là ông Lê-văn-Duyệt, sau là ông Nguyễn-tri-Phương. Vì sợ hai ông ấy quá mà người Nam-kỳ kiêng tên họ cho đến bây giờ : « duyệt » thì nói là « duợt », « phương » thì nói là « phang » ; nhưng bây giờ thành ra tự nhiên rồi, ít ai biết là vì kiêng tên mà nói trại như thế.

Có kẻ nói vì lòng mến-phục yêu-kính mà người ta kiêng tên một ông quan nào, chớ không phải vì sợ oai-quyền. Nhưng trước kia ở Huế, tôi nghe những lính vì nói chạm tên quan trên mà bị đòn luôn luôn. Lại chính mắt tôi ngó thấy một ông án-sát tỉnh kia, khi mới tựu-lý, liền viết những tên ông cha mình theo cách viết quốc-húy mà yết ra nơi ty niết, hầu cho ty-tào biết mà tránh-ghé. Lại còn chuyện ông Nguyễn-Thân nhơn giận viên chánh-tổng nọ nói một câu xấc với tên mình mà làm án chém, thì còn ai không nghe không biết (1)? Những chứng-cớ đó vừa đủ tỏ ra mấy ông quan ấy lấy quyền-thế mà bắt người ta kiêng tên mình, chớ không phải vì họ kính-phục đâu.

Quan lớn như vậy rồi quan-nhỏ a-dua, rủ nhau kiêng tên « các cụ » để được « các cụ » thương.

(1) Người ta truyền rằng khi ông Nguyễn Thân đi đánh Giặc Rựa Bình-định, có đòi một viên chánh tổng đến hầu. Viên chánh-tổng đương ở trong quán, nói với tên lính đi đòi mình rằng : « Vào bẩm quan lớn, *đầu thân mất đận*, tôi sẽ vô hầu. » Ông Nguyễn Thân nổi giận, bảo là nói xấc, sau làm án vị chánh-tổng ấy về tội thông với giặc, rồi chém đi.

(1)禮：讀書不諱臨文不諱. (2)克昌厥後. (3)艮發其祥. (4)禮不諱嫌名二名不偏諱. (5)言徵不言在言在不言徵.

lắm khi thấy họ kiêng-cữ một cách thái-quá, ra tuồng như kẻ hầu người hạ trong nhà, chớ không phải là hàng quan tỵ-thuộc nữa. Vả chăng sự kiêng tên là một cái tục, tôi đâu có phản-đối ; tôi chỉ phản-đối sự nịnh-hót đê-hèn quá mà thôi.

Họ làm thét rồi các ông đại thần chỉ còn chức-tước trùm-trủm, chớ mất hết họ tên ! Như nói với người ở gần đó, biết ông nào làm chức gì rồi, thì cứ nội cái chức ra mà nói ; còn được. Chớ đối với người ở đâu tới, bình-nhựt có ai để ý làm chi, mà họ cứ mở miệng ra là cụ Lại, cụ Lễ, ..., thì còn ai biết là ai ? Người nghe lấy làm tức, phải hỏi cho được tên, thì họ mới rón-rén lòi ra cho một cái họ : cụ Lại ấy là cụ Nguyễn mà ! cụ Lễ ấy là cụ Phạm mà ! Thật nó khó chịu làm sao ?.....

Mấy ông quan nhỏ đó có học chớ phải không sao mà không biết ? Kiêng tên phải tùy từng lúc, không ai kiêng dại kiêng dột như vậy bao giờ. Hãy mở sách Luận-ngữ ra mà coi : Hồi đức Khổng sai Tử-Lộ hỏi bến đò nơi Trường-Thơ và Kiệt-Nịch, Trường-Thơ thấy Tử-Lộ thì hỏi rằng : « Chớ cái người cầm xe đó là ai ? » Tử-Lộ trả lời rằng : « Ấy là *Khổng-Khưu*. » — Đó, rất đỗi đối với tên trai cày (Trường-Thơ) mà Tử-Lộ còn phải xách quai nón thầy mình ra, huống gì là ai. Phải chi mấy ổng làm Tử-Lộ thì mấy ổng đã nói rằng : « Ấy là *cụ Thượng-Binh* » ! — Bởi vì đức Khổng từng có làm Tư-khấu nước Lỗ, cũng như Thượng-thơ bộ Binh bây giờ vậy.

Lại nên đọc luôn đến chỗ nầy nữa. Cũng Tử-Lộ ấy, có khi nói thông, có khi lại nói bất thông. Là khi thầy ta đi lạc sau đức Khổng, gặp ông già quảy giỏ cỏ bằng cây gậy, liền hỏi rằng : « Nhà ngươi có thấy *phu-tử* chăng ? » Hỏi bất-thông như vậy thì bị mắng liền ! Ông già bảo cho : « Tay chưn chẳng siêng, năm giống thóc chẳng phân-biệt, ai là *phu-tử* ? » Tử-Lộ xưng « phu-tử » với ông già đó, cũng như ta đây, thường có kẻ xưng « cụ lớn » hay là « quan lớn » trồng với mọi người, tiếc không có ông già quảy giỏ cỏ ấy đồng mắng cho !

Sự kiêng tên đã sanh ra lắm điều rắc-rối khó chịu như đã nói trên kia ; mà còn cái người có tên được kiêng, cũng chẳng thấy gì thêm vinh-hiển, chỉ tỏ làm trò cười thì có. Như các quan ở Hà-đông kiêng tên ông Hoàng-trọng-Phu, đổi chữ « phu » làm « cu-li », rồi trong khi đánh tổ-tôm, họ nói với nhau : « Bài không có một *cu-li* nào ! » Lại như ở Huế kiêng tên ông Nguyễn-hữu-Bài, nói trại ra « bời », rồi trong khi đánh tổ-tôm, cũng thường dùng tiếng « bời » mà đùa-bỡn. Thế thì chi bằng đừng kiêng là hơn, khỏi có sự kính-cẩn là danh mà khinh-lờn là thiệt ấy.

Nói về gia-húy thì có sự con cháu kiêng tên ông bà cha mẹ, nghe chánh-đáng hơn, chánh-đáng hơn mấy người có thế-lực bắt kẻ khác phải kiêng tên mình và tên ông bà cha mẹ mình. Con cháu kiêng tên ông bà cha mẹ, cũng do cái lòng sùng-kính tổ-tiên mà ra. Cái tên của tổ-tiên, mình không dám xách ra mà nói, ấy là coi tổ-tiên cũng như thần-minh vậy.

Người nhà Hán có câu nói rằng : « Nghe sự quấy lỗi của người khác cũng như nghe tên của cha mẹ mình : tai có thể nghe mà miệng không có thể nói. » (1) Lời ấy tỏ ra cái lâm-lý người ta lấy sự kiêng tên làm biểu-hiệu cho sự kính cha mẹ là do tập-quán mà đã thành ra tự-nhiên rồi.

Trong nước ta ngày nay, trừ ra nhà nào dốt-nát quá không kể, còn nhà nào có ăn học, biết lễ nghĩa đôi chút, vẫn giữ theo tục ấy, con cháu đều kiêng tên ông bà cha mẹ mình. Vậy thì nó là cái tục tốt, để tỏ niềm kính-trọng tổ-tiên, có việc gì mà phải bỏ ? Nhưng, ngặt vì có hai việc trái hẳn với cái tục ấy, cho nên nó mới thành ra vấn-đề cho tôi bàn-luận hôm nay.

* * *

Theo tục kiêng tên, thì cái tên của ông bà cha mẹ ta, ta không nên nói đến ; nhưng trong xã-hội ta hiện-thời có hai việc lại nhè buộc ta dầu có gặp tên ông bà cha mẹ cũng phải nói ra !

Một là việc học quốc-ngữ. Học quốc-ngữ, nhứt là trong khi học vần, phải đọc tiếng nào dùng tiếng ấy, không được trại ra. Nếu đọc trại qua tiếng khác, thì về sau ráp vần lộn hết. Sự ấy đã chắc như đinh đóng rồi, tưởng không còn ai cải chối được nữa.

Vậy thì, thử lấy ra một cái lệ mà nói cho dễ nghe : Xưa nay xứ ta, nếu ai có gia húy là « Ca » thì thường nói trại là « cơ » ; gia húy là « An » thì nói trại là « yên ». Nhưng ngày nay, nếu có đứa con nít, cha nó tên « Ca », mẹ nó tên « An », thì chúng ta hầu bảo nó phải kiêng cách nào ? Nếu đọc « an » ra « yên » thì lộn với vần « yên », đọc « ca » ra « cơ » thì lộn với vần « cơ », rồi bữa sau nó

(1) 漢書：聞人過失，如聞父母之名：耳可得聞，口不可得言也.

làm thế nào mà ráp vần cho trúng được ? Một việc đó, nếu còn giữ cái tục kiêng tên, thì tôi chẳng biết làm thế nào cho trôi được !

Hai là việc đặt tên đường phố. Cái này thì rõ là ta bắt chước lối tây. Theo thói tây, trong nước có người nào có công-lao danh-vọng thì sau khi chết dùng cái tên người ấy mà đặt cho con đường phố (*rue*) (1) nào, hoặc cái cầu, cái trường học nào... để người ta kêu đến luôn cho khỏi quên. Hiện trong các thành phố ta, cũng đã có nhiều con đường hoặc trường học được đặt tên bằng tên của những danh nhân ta thuở trước. Ấy là như đường Tổng-đốc-Phương ở Chợ-lớn, trường học Nguyễn-trường-Tộ ở Nghệ-an.

Vậy nếu còn theo tục kiêng tên thì con cháu ông Tổng-đốc Phương và con cháu ông Nguyễn-trường-Tộ mới làm thế nào ? Không lẽ cái tên ông cha mình, thiên hạ đem biểu dương ra mà mình lại đem vùi giập đi không nói tới. Còn như họ cũng như ai, cứ kêu đường phố Tổng-đốc-Phương, trường học Nguyễn-trường-Tộ, thì trong khi cái tục ấy chưa được tuyên bố bị trừ phế, e có người lại viện lấy mà trách họ bất hiếu với ông cha. Rỏ thật ngặt cha chả là ngặt !

Có ai dám chũ trương rằng người Việt-nam rày về sau không cần học quốc ngữ nữa không ? Có ai dám đứng lên phản đối cái cách lấy tên danh nhân mà đặt tên cho đường phố và trường học không ? Bằng không thì phải bỏ cái tục kiêng tên đi, nếu để vậy thì nó ngại cho kẻ làm con làm cháu đã đành, mà cũng ngại cho cuộc tấn hóa của một dân tộc nữa.

Sách Trung-dung có nói rằng : « Đạo cùng làm mà chẳng trái nhau. » (2) Theo ý-nghĩa câu ấy, có thể nói rằng : Học quốc ngữ cứ học, đặt tên đường phố cứ đặt, mà kiêng tên cứ kiêng. Nhưng trời ôi ! cái lẽ mầu-nhiệm quá sức hiểu của tôi đó, tôi không biết làm thế nào hiểu được ? Tôi chỉ thấy hai bên nó trái lẻ nhau : hễ kiêng tên thì đừng học quốc ngữ, đừng lấy tên người mà đặt tên đường phố ; còn như muốn học quốc-ngữ, muốn lấy tên người mà đặt tên đường phố, thì phải bỏ tục kiêng tên.

Vì sự bất tiện như tôi đã nói trong bài này, và cũng vì sự học quốc-ngữ là cần, sự đặt tên đường phố đã được công-nhận là một cách kỷ-niệm tốt, tôi xin kết-luận rằng bỏ tục kiêng tên đi là phải ; trừ ra cái lệ quốc-húy là lệ riêng của nhà-vua, tôi không nói đến.

PHAN-KHÔI

(1) *Rue*, phải nói là *đường phố*, để cho khác với *route*, *chemin*.....

(2) 道並行而不相悖.

TIN MỚI CHUYỆN LẠ

18 CÁI TÍCH-TẮC ĐỒNG HỒ CHẾT MỘT NGƯỜI.

Có một nhà toán-học (*mathématicien*) đã tính ra trong bốn năm (1914-1918) Âu-châu chiến-tranh, chết cả thảy 11 triệu con người ta, thế là cứ 13 cái tích-tắc của đồng-hồ, là có một người lăn ra chết.

Có 19 triệu người bị tàn tật : gảy cẳng, què tay, mẻ đầu, đui mắt v... v... Số dân tàn tật ấy bằng dân-số cả nước như nước Việt-nam ta.

Tiền hao-phí về bốn năm chiến-tranh, có 100 ngàn triệu đồng livres sterling (tiền Hồng-mao, mỗi đồng đáng giá 124 quan tiền tây, hay là 12$40 bạc ta, thử tính coi biết mấy ngàn triệu mà kể.) Với số tiền ấy, ta có thể cho mỗi gia-đình bên Huê-kỳ, bên Canada, bên Úc-châu, bên Hồng-mao, bên Pháp, bên BỈ, bên Đức và bên Nga, cho mỗi gia-đình một cái nhà đáng giá 500 đồng livres sterling, cất trên miếng đất rộng rải và có 250 đồng livres sterling đồ đạc trong nhà nữa.

Vả lại người ta có thể lập cho mỗi đám 20 ngàn gia-đình, có một cái nhà thương, một trường đại-học, và nhiều trường tiểu-học, ấy là kể cả lương thầy-giáo, điều-dưỡng, thầy-thuốc và giáo-sư vào đó nữa.

Sau hết, nếu lấy hết cả những cây thập-ác cắm trên mộ những linh tử trận hồi đó, mà nối đầu lại với nhau, thì nó dài từ Paris qua tới Wladivostok, nghĩa là đi ngang Âu-châu qua Á-châu, mà cây chót thì chấm nước biển của Nhựt-bổn.

Đánh nhau mấy năm mà chết người tốn của tới như vậy, ghê thay ! Ngày nay người Âu-châu sợ họa chiến-tranh, mà lo tính cuộc hòa-bình, việc giảm binh, là phải lắm.

Phụ-chí : Có một vị thanh-niên, độc-giả của P. N. T. V., bấy lâu từng viết thơ cho tôi, hỏi riêng ý-kiến tôi đối với nhiều việc ; tôi đều có trả lời bằng thơ riêng. Mới rồi, vị ấy lại viết thơ cho tôi, hỏi về vấn-đề kiêng tên nầy mà bảo phát-biểu ý-kiến trên mặt báo. Cái động-cơ tôi viết bài này là vì đó ; luôn thể nói ở đây để trả lời cho vị độc-giả ấy. P. K.

CHUYỆN KHOA-HỌC NÊN BIẾT

THAY ĐẦU VẬT NẦY QUA VẬT KIA

Tôi hứa với chị em, cách vài ba kỳ báo, tôi lại thuật một chuyện về khoa-học. Tôi muốn lựa những chuyện mới lạ ngày nay, để chị em đọc vừa vui, mà lại bổ ích cho kiến-thức. Chị em ta có lẽ ham đọc những thứ vui quen rồi, nếu nói chuyện khoa-học mà nghiêm-chánh mắc mỏ quá, chắc hẳn sanh chán mà không muốn đọc.

Bởi vậy, những chuyện khoa-học tôi thuật ra đây, vừa lạ vừa vui, lại đọc dễ hiểu, vậy xin chị em chớ bỏ qua.

Kỳ nầy tôi nói về chuyện thay đầu vật nầy qua vật khác. Cái sự hóa-sanh vạn-vật, cái sự sống của muôn loài, có lẽ nay đã tới ngày khoa-học làm chủ, chớ không phải ở tay ông tạo-hóa nữa. Ngày nay, người ta đã có cách lấy mắt, lấy đầu của giống nầy, để chắp qua giống khác ; người ta đã có thể làm cho kẻ già hóa trẻ lại ; một mai người ta có cách làm cho người trường-sanh bất tử, biết đâu ?

◉

Trước hết hãy nói về loài thảo mộc.

Về loài cây cối, hai cây khác nhau, mà người ta có cách làm nó hội-hiệp lại với nhau được. Sự hội-hiệp ấy, kêu là « sống gởi » (*parasitisme*), nghĩa là cây nầy nhờ vào cây kia mà sống.

Muốn làm như vậy, phải nhờ phép « thập nhành » (*greffes*), tức là cách cắt nhành cây nầy, tháp vào thân cây kia, mà hai cây cùng sống cả. Cách tháp nhành hay là *chiết cành* theo tiếng Bắc, người mình từng làm từng biết đã lâu ; chị em ta, ai ở chỗ vườn tược cây cối, chắc đã thấy cách đó rồi.

Hai cây là hai loài khác nhau, mà người ta tháp nhành cho nó sống chung với nhau, mà mỗi cây vẫn đâm bông trổ trái riêng theo loài của nó. Như chùm nho mà tôi in hình theo đây cho chị em thấy, nửa là nho trắng, nửa là nho đỏ, ấy là hai cây nho đã tháp nhành lại cho nó sống chung với nhau, nhưng trổ trái ra khác nhau vậy. Cùng là loài nho đã đành ; người ta lại có thể tháp nhành cây ổi vào cây mít, hay là cây cam vào cây xoài v.v... được hết.

Nói tóm lại cách tháp nhành, người ta biết đã lâu đời rồi, mà xứ nào cũng biết cả, chính người mình cũng vậy. Tiếc vì mình biết tới đó rồi thôi, không chịu suy nghĩ cho rộng ra những cái công-dụng khác. Người phương Tây không vậy ; do cách tháp nhành cho cây cối, mà họ suy rộng ra tới loài vật và loài người. Họ tiến-hóa văn-minh, và nền khoa-học được mở-mang rực rỡ, là nhờ ở sự học suy một ra mười đó.

Chùm nho độc-giả thấy hình đây, là do ở cây nho mà người ta đã tháp nhành hai giống nho lại với nhau, cho nên cùng một dây mà có hai thứ nho trắng và đỏ khác nhau, mùi ngọt của nó cũng khác nhau nữa.

* *

Những nhà khoa-học phương Tây cách có hằng trăm năm nay, như Ollier, như Carrel, đã từng biết cách lấy da giống vật, hay là da của người và qua thịt người khác, để cho liền chỗ da hoặc đã bị cháy mà mất đi.

Gần đây, một nhà khoa-học nước Áo (*Autriche*) là ông Przibram, đã phát-minh ra những phép chắp nối các cơ-thể cho loài vật, như chuột, ếch, cá, sâu bọ v. v... Ông mổ lấy mắt con chuột này để vào tròng con chuột khác bị đui, thế mà cách 8 ngày sau con mắt chắp đó liền lại, rồi cũng có ánh sáng và ngó được như con mắt thiệt của nó vậy ; thiệt tài.

Công-phu của ông thí-nghiệm về loài sâu bọ, lại càng có kết-quả lạ lùng hơn nữa. Nghĩa là lấy đầu con sâu này, chắp qua cổ của con sâu khác.

Khi làm phép thay đầu đó, thì người ta cũng phải làm cho con sâu mê đi, như là đánh thuốc mê cho người, khi cần dùng mổ xẻ vậy. Sau lúc chắp đầu xong rồi, con sâu tỉnh dậy, sự cử-động của nó ban đầu còn chàng-váng ngất-ngư, rồi sau nó bình-phục lại lần lần. Chừng một hai tháng thì

cái đầu chắp đó đã liền với mình, như là cái đầu thường rồi, nên con sâu lại bò, lại ăn, và cử-động như thường. Những con sâu mà người ta dùng để thử phép thay đầu đó, hay dùng con niềng-niềng, tức là những loài có cánh trên cứng (*coléoptère*) như giân, cà-cuống v...v...

Một nhà khoa-học khác là ông Walter Wincker còn thiệt-nghiệm được nhiều cách tài-tình hơn nữa.

Ông lấy đầu con đực mà chắp vào mình con cái, chừng một tuần-lễ thì thấy nó nguyên lành và cử-động như trước. Chắp đầu đực cái như vậy rồi, đem ra thí-nghiệm coi thử giống vật ấy có nhìn lầm lộn nhau không, té ra nó không nhìn lầm nhau, vậy mới biết là giống vật hạ-đẳng, cũng có tri-giác riêng của nó.

Con cái mà chắp cái đầu đực vào rồi, thì nó cũng sanh-hoạt như con đực. Song để những con cái đã chắp đầu đực đó, ra trước mặt những con đực nguyên giống (nghĩa là không bị chắp đầu lộn xộn), thì lạ thay! những con đực ấy không lầm; nó cũng biết con kia là giống cái, tuy có đầu giống đực mặc lòng.

Trái lại, con đực mà chắp đầu cái vào, thì nó lại sanh-hoạt giống như con cái. Rồi dắt con đực đầu cái nầy lại trước mặt con đực nguyên-lành, thì con nầy tuy thấy con kia có đầu cái mặc lòng, nhưng nó cũng biết đó là con đực, nên chỉ nó không động tình gì hết.

Đây là hình con niềng-niềng mà nhà khoa-học đã chắp đầu con khác vào cho nó. Ấy tức là phép thay đầu vật nọ qua vật kia, mà nó vẫn cử-động và sanh-hoạt như thường.

Cũng một loài sâu đó, mà ông Walter Wincker lấy đầu của giống nầy chắp qua cho giống khác cũng được. Kết-quả thành ra một con vật, không biết đặt tên là gì, vì mình nó thuộc về giống nầy, mà đầu nó về giống kia.

Các nhà sanh-vật-học (*les physiologistes*) người Nga, nhơn phép trên đây, mà thí-nghiệm vào giống động-vật cao hơn là loài mèo loài chó. Cái đầu con chó đã chặt đứt rồi, mà họ có cách làm cho nó cử-động như thường vậy.

Cách chắp đầu giống vật như mèo chó, tuy ngày nay chưa thiệt-hành đặng, nhưng mà nó đã là một vấn-đề nghiên-cứu cho các nhà chuyên-môn mổ xẻ (*les chirurgiens*). Họ chắc rằng một ngày kia họ có cách thay đầu cho người. Chừng đó, chồng có

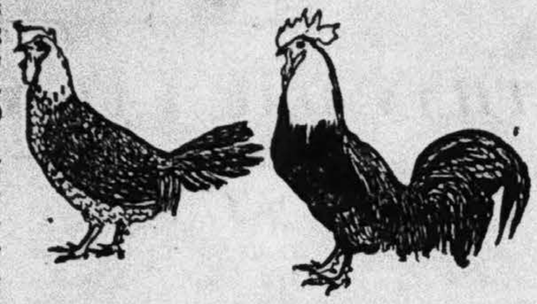

Hai con gà mà độc-giả thấy hình đây, đều là thứ gà trống lớn, cỡ 2 tuổi. Con bên tay trái, mới ngó ai chẳng bảo là gà mái, song kỳ thiệt không phải; lúc trước nó cũng là gà trống như con bên tay mặt vậy, có đều nhà khoa-học làm cách để bọc-trứng vào cho nó, rồi nó biến đổi từ cái mào cho tới lông, mà thành ra gà mái, như ta thấy đó.

vợ kém nhan-sắc, hay là vợ có chồng bộ mặt vô duyên, thì có thể bỏ tiền ra, mua cái đầu tốt đẹp hữu-tình, hại bên đánh đổi cho nhau, rồi nhà chuyên-môn mổ xẻ, sẽ cưa đầu người nầy chắp vào người kia cho. Một ngày kia, — tôi muốn tin rằng ngày ấy sẽ có, — khoa-học làm được phép thay đầu đổi mặt một cách thần-diệu như vậy thiệt, thì tôi chắc có người mặt đẹp mà nghèo su, có lẽ bán đầu đi để lấy tiền ăn. Mà những câu chuyện của ta: ông Đế-Thích đang đêm đi cắt đầu người khác về đổi đầu cho vợ anh Trương-Ba; cùng là câu chuyện Lục Phán-Quan ở trong sách Liêu-trai của Tàu, đều là chuyện thiệt hết.

Ngày nay, người ta đã dùng cách chắp nối ấy để làm cho loài vật nuôi trong nhà, như lừa, ngựa, trừu, thỏ v.. v.. đã già yếu mà hóa ra trẻ mạnh lại. Ấy tức là phép « phẫn-lảo hoàn-đồng » (*le rajeunissement*) của ông đốc-tơ Voronoff vậy.

Phép ấy người Nga phát-minh ra trước hết, như câu chuyện trên kia đã nói, họ làm cho cái đầu con chó đã bị chặt đứt rồi mà cũng cử-động được. Đốc-tơ Voronoff là người nhập-tịch dân Pháp, nhưng mà chính là người Nga; năm trước đây ổng đã qua xứ ta diễn-thuyết và thí-nghiệm, có nhiều người mình được thấy kết-quả rõ ràng.

Phép phẫn-lảo hoàn-đồng của ông đại-khái là lấy cái hạch có quan-hệ đến việc sanh-sản kêu là *testicule* hay là *glande génitale* của con vật trẻ mạnh mà để vào cho con vật già yếu, khiến cho con già yếu được thay đổi cũ việc vận-dụng của các cơ-thể nó, trở nên trẻ trai mạnh khoẻ và sanh-sản được. Nhiều người có ngựa đua già tuổi yếu sức, đã từng nhờ ông làm phép tiếp hạch, chỗ nó trẻ mạnh lại để đua nữa. Ông có thể lấy hạch của

mấy con khỉ rừng, mà chắp vào cho người già, làm cho người già trẻ và mạnh lại. Bởi vậy người ta kêu cái phép của ông là phép phẫn-lảo hoàn-đồng.

Truy-nguyên từ hồi năm 1849, đã có những nhà khoa-học như Hunter, Berchtold và Pézard, đã từng biết cách tiếp hạch, mà đổi gà trống ra gà mái, gà mái ra gà trống. Năm 1896, ông Morris lại thay được dạ-con cho một người đàn bà, có kết-quả tốt lắm. Người đàn bà ấy mới có 21 tuổi, bị hư dạ-con, ông bèn lấy dạ-con của người đàn bà khác 33 tuổi mà thay vào, rồi người 21 kia cũng chửa đẻ như thường vậy. Người mà còn thay dạ-con được, nói chi tới giống vật, cái sự thay bọc-trứng để cho nó chửa đẻ, là sự dễ làm lắm.

Rất đỗi những con vật giống cái, đã thiến (*châtrer*) nó đi rồi, mà người ta để bọc-trứng vào trong mình nó, nó lại chửa đẻ được như trước. Lạ lùng hơn nữa, là ông Steinach để bọc-trứng vào trong mình một con vật giống đực đã bị thiến, mà con đực nầy tự nhiên biến ra có tánh chất con cái; vú nó lớn ra, mà tới gần con đực khác, xem ra cũng động tình, chắc có con đực khác thấy mà tò vè thì bị lầm chết.

* * *

Xem những cái kết-quả trên đây, từ cách chiết nhành ở loài cây, tới cách chắp đầu loài sâu bọ, cho tới những cách tiếp hạch đổi giống cho loài vật, thấy mỗi ngày một phát-minh và tiến-bộ thêm, cho nên người ta tin rằng có ngày kia có lẽ khoa-học làm cho người ta trường-sanh bất-tử đặng. Ngay như hồi Âu-châu chiến-tranh, có tin rằng các nhà bác-học Đức đã lo trước cái sự đánh nhau dằng dai đôi ba chục năm, mà người lớn chết lần mòn đi, con nít đẻ ra không kịp, nên họ đã tìm tòi những cách chế tạo ra người ta. Nghe nói những cách ấy quái-lạ lắm: nào là đàn bà không cần có đàn ông, cũng có thể chửa đẻ; nào là cái thai mới thành hình ở trong bụng mẹ, người ta có phép khoa-học làm cho nó mau lớn và mau sổ ra, chớ không cần tới đủ ngày đủ tháng.

Mới nghe những cách nầy, ai cũng phải cho là chuyện mộng tưởng, vì nó trái với lý sanh-sản tự-nhiên xưa nay, nhưng mà cứ xem những cái kết-quả của khoa-học chắp nối đã thuật ra trên đây, thì có lẽ một ngày kia, khoa-học của loài người, tới cái trình-độ rất cao, cướp cả quyền của tạo-hóa, mà chế-tạo ra người hay là làm cho người trường-sanh bất-tử đặng.

Ngày nay tuy có nhiều người không tin, chớ những nhà bác-học ở Âu Mỹ có cái mộng-tưởng tới như vậy lận.

VĂN-ANH.

Một kỳ báo trước, bổn-báo đã đăng bức thơ của những người thay mặt dân làng Phú-điền, bày tỏ rằng đền thờ bà Triệu-Ẩu đã hư đổ tồi-tàn, nay phải sửa lại. Việc sửa lại một chỗ có quan-hệ đến lịch-sử như thế, trông cậy ở lòng yêu nước của tất cả nam-nữ quốc-dân.

Lại một kỳ báo khác, bổn-báo đã viết mấy lời tuy là vắn-tắt mà ý nghĩa nhiều, bày tỏ vì sao mà ta phải chung tiền góp sức để sửa sang đền thờ bà Triệu. Vì bà là bực nữ-anh-hùng có công-nghiệp với dân-tộc ta, không ai là không nên tỏ lòng sùng-bái; vì đền bà là một nơi cổ-tích có quan-hệ đến lịch-sử ta, không nên để tồi tàn mà không tu-bổ.

Vậy thì những đồng-bào biết tưởng nhớ công-nghiệp tiền nhơn, biết yêu mến di-tích lịch-sử ở đâu? Nên giúp vào việc sửa đền bà Triệu!

◉

PHƯƠNG-DANH CÁC NHÀ HẢO-TÂM

Bắc-kỳ Nghĩa-trang.	10$00
M. Đặng-phước-Truyện (Bình-tây)	8$00
Melle Huỳnh-thị-Vinh (Châu-đốc)	1$00
Trần-mậu-Thưởng, học-sanh trường Đông-ba Huế. . . .	1$00
Thành-Tâm Laithiêu.	5$00
Anh em làm sở Thủy-xưởng (Ba-son) Saigon	7$50

?

CÒN NHIỀU NHÀ HẢO-TÂM NỮA, XIN GẤP GỞI LẠI

MỘT BỨC THƠ Ở PARIS GỞI VỀ

Cô Ng.-thị-Khang bị đuổi về xứ

Cô Nguyễn-thị-Khang, một bạn đồng-nghiệp ở Phụ-nữ Thời-đàm *ngoài Bắc, được cử qua làm bánh ở trường Đấu-xảo Vincennes để bày tỏ nữ-công của phụ-nữ ta, ấy là một việc các báo hằng ngày có nói, chắc ai cũng biết cả rồi.*

Hồi cô ở Bắc vô Saigon để đi Tây, có ghé qua thăm bổn-báo chủ-nhơn, và tỏ ý thương tiếc báo P. N. T. V. bị đình-bản. Lúc bấy giờ cô đi là vào hồi cuối tháng Mars, cùng một chuyến với Chim Giao và nhiều người khác nữa, cùng qua dự cuộc Đấu-xảo một lượt.

Cách đây vài tuần thấy bạn đồng-nghiệp Phụ-nữ Thời-đàm *ngoài Bắc, đăng tin rằng cô Khang và 4 người đàn ông nữa bị đuổi về xứ, chúng tôi đang bợ ngợ, không hiểu cớ gì, thì vừa có thơ của bổn-báo phóng-sự-viên ở Paris gởi máy bay về, tỏ ra mới biết là cô Khang vì tinh-nghi là có tư-tưởng chánh-trị và giao-du với học-sanh ta bị nghi ở Paris, nên chi mới bị đuổi.*

Bổn-báo đăng nguyên bức thơ của bổn-báo phóng-sự ở Paris gởi về như vầy, và ý-kiến trong đó, bổn-báo cũng nhận là ý-kiến của bổn-báo.

◎

MỘT BẠN ĐỒNG-NGHIỆP BỊ ĐUỔI VỀ XỨ.

Chiều 9 Juin, cô Nguyễn-thị-Khang, nhà viết báo Bắc-kỳ, và bốn người Annam nữa ở trong trường Đấu-xảo bị bắt giải xuống Marseille để kịp chuyến tàu 12 Juin về Đông-dương.

Cô Khang thấy lính tới bắt thì tỏ ý ngạc-nhiên và phẫn-đối ; song rốt rồi cũng bị áp giải đi. Thiết-tưởng vì chánh-phủ phòng ngừa những cuộc vận-động có thể xảy ra ở cuộc Đấu-xảo; mà những người nào có quen biết với những học-sanh bị tình-nghi ở Paris phải bị đuổi về như thế.

Nhân nói về bạn đồng-nghiệp Nguyễn-thị-Khang là một nữ-sĩ rất thông-minh, chúng tôi muốn biện-hoặc về những lời đồng-dài tự kẻ cùng sang dự Đấu-xảo với cô đã thêu-dệt ra, để phạm đến danh-dự cô.

Kẻ ấy đã biên về cho một tờ báo Bắc-kỳ những lời không đâu, có ý muốn làm cho độc-giả ngờ đến cuộc đời tư của bạn nữ-đồng-nghiệp. Nhiều những học-sanh Annam ở Paris quen biết với cô đều bất-bình về cái thủ-đoạn không chánh-đáng ấy.

Gần đây trong xã-hội Annam có được ít nhiều những « tân-nữ-lưu » dạn-dĩ bước ra trường tranh-đấu (văn-giới, chánh-giới) thì phần nhiều bị lời mỉa mai, tự những kẻ chẳng có một chút gì gọi được rằng là đạo-đức, mà lại lên mặt nhà luân-lý. Họ thêu-dệt ra lắm câu không dính-dáng vào một mấy may bằng-cớ nào ; muốn làm cho đàn-bà phải lùi bước lại và lúc-thúc ở trong buồng và dưới bếp. Không kể rằng dầu các cô có xứ thân-thế của mình, cuộc đời tư của mình ra thế nào thì là tự quyền ở các cô, ta có phép nào can thiệp đến, — thường thì những lời đặt để như thế là chuyện thù vơ oán chạ cũ.

Bao giờ cho độc-giả các báo hiểu được nỗi khó-khăn của một « tân-nữ-lưu » ở trong chế-độ Annam ngày nay, những cái trở-lực gì làm vướng chưn bằn lòng họ, và sẵn lòng vứt bỏ ngoài tai những câu dị nghị vô-lý, thì mới không còn có báo in những tin nhảm như thế.

THẠCH-LAN.

Bên Huê-kỳ, bà vợ mập là một cớ cho chồng bỏ

Tòa án ở châu Névada bên Huê-kỳ mới xử một vụ án ly-dị, thật là quái-lạ.

Có một ông chồng nọ, từ 43 năm nay kiện để bỏ bà vợ, vì chê vợ càng ngày càng mập quá. Lúc ổng lấy bà, thì bà chỉ có 50 ki-lô, đến nay bà cân đặng 120 ki-lô ; đứng lên cân mà cân muốn gảy lận.

Ông ta thú thiệt rằng ông ta ghét đàn-bà mập ú lắm, thế mà bà vợ không chịu nghe lời, rán ăn đồ kiêng cữ, để cho gầy ốm bớt đi, lại cứ ăn những mỡ heo và đồ bổ dưỡng hoài.

Bà vợ trả lời trước tòa rằng bà có quyền tự do, muốn ăn gì thì ăn, miễn là vừa miệng thì thôi. Bà lại nói bà không chịu theo chồng buộc ăn đồ lạm cho ốm gầy đi như vậy.

Tòa án xử bà thất kiện, và cho hai vợ chồng li-dị nhau, mà không xử cho người vợ được lãnh lương trợ-cấp của chồng su nhỏ nào hết.

Có lẽ quan tòa thấy bà đã mập lắm rồi, khỏi phải ăn nữa chăng ?

DẦU KHUYNH-DIỆP
TRỊ BỊNH
đã nổi tiếng hay !
giá thật là rẻ ! !
mới rồ là nội-hóa ! ! !
DẦU BA-CÓ NƯỚC SÔNG-HƯƠNG
TRẦM-HUÊ MƯỜI-THƯƠNG BỐN-MÙA
Mua buôn, lâm đại-lý, viết thơ cho
VIỄN-ĐỆ ĐỒNG-HỚI

CÂU CHUYỆN TIẾT-THẢO CỦA ĐÀN-BÀ

NGƯỜI ĐÀN-BÀ BẤT TRINH BỊ CHẶT ĐẦU

Một cái cảnh-tượng chính mắt tôi mục-kích từ hồi năm ngoái, mà từ bấy đến giờ, hễ trực nhớ tới, lúc nào, là khiến cho tôi ngao ngán thở than, và giựt mình lúc ấy.

Bữa đó vào hồi tháng 8, không nhớ là ngày nào tôi cùng vài người chị em đi mua đồ ở chợ-cũ, tới chỗ góc đường Vannier và Guynemer đụng nhau, thấy đông người xúm quanh, có hai ba bà già đứng ở vòng ngoài, đang trề môi nói với nhau : « Thật là con đàn-bà ác-đức ! » Mấy tiếng đó làm động lòng hảo kỳ của chị em tôi, nên chúng tôi cũng chen lấn vào coi thử chuyện gì cho biết. Thấy người đàn-ông trạc chừng 35 tuổi, bận Âu-phục tầm-thường, tay bồng một đứa con nhỏ độ một năm, còn tay nữa thì dắt một đứa nhỏ khác đâu lối hai tuổi, đã đứng vững vàng ; người đàn-ông đang nói cách năn nỉ với người đàn-bà đứng đó rằng :

— Tôi van lạy mình, mình trở về nhà cho vợ chồng mẹ con sum hiệp và mình trông nom cửa nhà con cái, cho tôi lo làm ăn. Chớ đứa bồng đứa dắt như vầy, còn ở nhà ba đứa nữa, mà mình nỡ nghe lời người ta, mình bỏ mình đi, thì lấy ai chăn nuôi đàn con cho tôi đi làm ăn để nuôi chúng nó... Thôi mình, chuyện mình lầm lỡ, tôi bỏ hết, mình về với con đi mình...

Người đàn-ông vừa nói vừa khóc, nước mắt nhỏ xuống ròng ròng, còn đứa con nhỏ thì dơ hai tay đòi má nó ẵm. Thật là một tấn ai-kịch, đến gỗ đá cũng phải chảy nước mắt. Tôi ngó quanh cặp mắt mọi người, thấy đều ướt cả, mà mấy chị em tôi ngó nhau, cũng thấy hai hàng chảy xuống gò má ; chưa có khi nào chúng tôi thấy tấn tuồng đời đau đớn não nùng như thế. Lúc bấy giờ ai cũng để mắt ngó, lòng tai nghe coi người đàn-bà trả lời ra sao, tới chừng chị ta trả lời, làm cho ai cũng phải nghẹn ngào sững sốt :

— Tao đã nói rằng tao không về, bây giờ thân tao tao phải lo, chớ cực khổ hoài, tao chịu sao nổi. Con cái mấy đứa đó, mầy nuôi được thì nuôi, hay cho ai thì cho, tao không biết...

Chị ta nói chưa hết mấy tiếng cuối cùng đó, thì đã đặt mình trên xe kéo, con « ngựa người » sắp chạy rồi ; đứa nhỏ ở trên tay ba nó, ngửa mình và dơ tay ra vừa khóc rống vừa kêu bập bẹ : « Má !... Má !... », thế mà chị ta cũng đành ngó lơ mà đi thẳng... Người chồng như ngây như dại, ngó theo chị kia mà rưng rưng hai hàng nước mắt, coi nét mặt thật là thất-vọng thảm sầu, đáng xót đáng thương, tình cảnh ấy không bút mực nào mà tả ra cho hết. Rồi anh ta cũng bồng bế hai đứa con lên xe kéo đi, nghe miệng nói lẩm rẩm : « ... còn phải sống là vì năm đứa con ! »

Lúc bấy giờ, tôi hỏi mấy người chứng kiến cái tấn thảm-kịch ấy từ lúc đầu, cho biết đầu đuôi câu chuyện ra sao. Té ra chị kia lấy anh nọ 9 năm nay, có năm đứa con ; nhưng chị ta có tánh ham mê cờ bạc, cờ bạc rồi cầm bán, cầm bán rồi nợ nần, nợ nần rồi trai gái, trai gái rồi nghe lời một người nào đó có tiền bạc dụ dỗ, chị ta đành bỏ một chồng với năm con mà đi. Cả tuần nay, người chồng phải xin nghỉ việc, rồi tay bồng tay dắt, đi tìm kiếm khắp nơi, thình lình bữa ấy gặp nhau mà nãy giờ khóc lóc cả buổi không được đó. Than ôi ! Người đàn-bà ác-độc thay ! Người đàn-bà nhẫn tâm thay ! Không ai dè trên đời có người như thế, mà trên đời có người như thế thiệt ; thôi, thế-thái nhơn-tình, thật là chán chường đau đớn !

Câu chuyện tôi kể ra trên này, có cái vấn-đề tiết-tháo và danh-dự của đàn-bà ta nằm ở trong đó, tưởng ta nên xét. Song trước khi xét, tôi muốn thuật ra một câu chuyện khác, xảy ra ở xứ khác, để cho biết ở xứ người ta, trọng danh-dự và tiết-tháo ra thế nào ?

***

Câu chuyện này ở Ai-cập. Chỉ vì danh-dự của gia đình, mà họ dám phạm tội ác gớm ghê, không khác gì cái tục « *thế-thù* » (Vendetta) của dân cù-lao Corse nước Pháp, cũng vì vấn-đề danh-dự, mà cha truyền con nối, phải trả thù cho được mới nghe.

Chuyện Ai-cập mới xảy ra vài tháng nay như vầy đây :

Một làng nhỏ kia trong nước Ai-cập, có một nhà nông-dân, một mẹ với bốn đứa con vừa trai vừa gái. Con Ra-bi-ha (*Rabiha*) 16 tuổi thì lấy chồng tên là Ha-na-sanh (*Hanassin*), là người cày sâu cuốc bẫm, chăm chỉ làm ăn.

Vợ chồng lấy nhau, được hai đứa con. Mấy năm đầu, mùa màng sung túc, thì cái cảnh vợ chồng con cái, sung sướng yên vui. Qua mấy năm sau, mùa màng thất bát, cái gia-đình của vợ chồng ấy thành ra nghèo đói khổ sở lắm. Ha-na-sanh nghĩ mình là trượng-phu nam-tử, không lẻ ngồi đó mà nhìn vợ con chết đói, bèn quyết chí từ giã đồng-bái và vợ con, ra tỉnh-thành kiếm việc ; hứa rằng hễ kiếm được việc, là về rước vợ con liền.

Chồng đi rồi, Ra-bi-ha ở nhà quê vò vỏ một mình, cũng chịu khó kiếm ăn đắp đổi cho qua ngày tháng, để trông đợi tin chồng. Trông đợi lâu lắm rồi mà không thấy tin tức của chồng ra sao cả, Ra-bi-ha vừa nhớ thương vừa nóng ruột, liền bồng bế hai con, vai mang gói, lên tỉnh để tìm chồng. Lên tới tỉnh, ngó thấy những nhà cửa trang-hoàng, cảnh-tượng rộn rực, làm cho chị ta chóa mắt, vì nhỏ lớn sanh-trưởng ở chỗ quê mùa, đã thấy cái cảnh phồn-hoa nào-nhiệt ở nơi tỉnh-thành thị-tứ ra sao ở đâu. Tội nghiệp thay! Chị ta đi là đi liều, chớ trong lưng không có tiền, thiệt ra chẳng có bà con hay quen biết ai trên tỉnh hết, mà cũng không biết chồng lưu lạc nơi nào mà tìm. Cái nguy cái khổ của con người ta sanh ra ở đó.

Mẹ con lang thang qua đêm thứ hai, có một người lạ mặt cho chị ta ở đậu. Cách một tuần lễ sau, không biết là bị mụ dầu chũ thổ dụ dỗ ngon ngọt thế nào, mà chị ta công-nhiên làm nghề « rước khách » trong cái phòng ngủ kia ở đường hẻm Bạt-ky (*Barky*).

Bữa nọ Ra-bi-ha muốn báo tin tức của mình cho người nhà biết, bèn viết thơ cho người anh ruột là Sê-lim (*Sélim*). Sê-Lim tiếp được thơ của em gái, cứng tưởng là em mình có nghề nghiệp gì làm ăn tử-tế tại chốn châu-thành kia, chớ có dè đâu em làm nghề sanh-nhai son phấn ; bởi vậy được tin thì Sê-lim mừng lắm.

Trong khoảng đó, Sê-lim biết chỗ ở của em rể mình, liền lật đật viết thơ lên tỉnh cho Ha-na-sanh hay, và chỉ chỗ ở của Ra-bi-ha cho Ha-na-sanh biết, đặng tới đó mà kiếm vợ. Rồi thì chính Sê-lim cũng lên tỉnh để thăm em gái và em rể.

Ha-na-sanh và Sê-lim cùng đi lại kiếm Ra-bi-ha ở trong cái phòng ngủ của Ra-bi-ha ở. Tình cảnh anh em vợ chồng gặp nhau lúc nầy có vui mừng mà cũng có đau đớn. Vui mừng là vì cuộc hội-ngộ không ngờ ; đau đớn là vì thấy Ra-bi-ha lở bước sa cơ, làm nghề hạ tiện. Ha-na-sanh và Sê-lim đều năn nỉ Ra-bi-ha bỏ cái nghề nhơ nhuốc ấy đi, trở về sum hiệp vợ chồng, làm ăn tử tế. Song không biết là Ra-bi-ha vì đã bén mùi tỉnh-thành, vì đã tập tánh làm biếng, hay là vì đã sa-đắm vào cái cuộc phồn-hoa giả-dối kia rồi, mà anh và chồng năn nỉ cách nào, nàng cũng không chịu nghe.

Ha-na-sanh tức mình, ra tòa xin ly-dị. Anh ta được kiện, nhưng hai đứa con còn nhỏ, tòa vẫn giao cho má nó là Ra-bi-ha nuôi.

Tuy để bỏ nhau rồi, nhưng Ha-na-sanh cũng năng đi lại lui tới để thăm con, mà mỗi lần tới, đều xin tiền Ra-bi-ha cả. Cách ít lâu, anh ta đòi tiền càng ngày càng nhiều, thét anh ta buộc Ra-bi-ha phải cho anh ta một số tiền lớn, hâm rằng nếu không cho thì về làng xóm, anh ta khai xấu của Ra-bi-ha ra cho bà con trong làng đều biết. Sở dĩ Ha-na-sanh hâm dọa như thế, là vì dân-tộc Ai-cập có tánh trọng danh-dự ở trong chốn hương-thôn lắm.

Ha-na-sanh chỉ muốn hâm dọa để lấy tiền bạc vậy thôi, chớ không có ý gì muốn báo thù cho danh-dự cả. Song Sê-lim là anh ruột Ra-bi-ha, thì không chịu như vậy. Khi biết rõ bụng Ha-na-sanh cố chí báo-cừu, thì Sê-lim giận lắm, rầy Ra-bi-ha tàn tệ, rồi buộc Ha-na-sanh phải phục thù để giữ danh-dự cho nhà mình mới đặng. Sê-lim lại rủ được người anh lớn cùng đồng tâm.

Chiều tối bữa kia, ba người (hai anh em Sê-lim và Ha-na-sanh) bàn mưu định kế với nhau rồi, quyết chí là tối bữa đó lấy máu của Ra-bi-ha để rửa cái nhục cho gia-đình mà tự Ra-bi-ha đã bôi lọ.

Trong đường hẻm của Ra-bi-ha ở, tối lại vắng tanh, ít ai đi lại, lính tuần cũng không vô ngó đó làm gì. Ba người lén vào trong nhà Ra-bi-ha, núp dưới chưn cầu thang lầu, để thừa cơ hạ thủ. Một lát thấy cửa phòng của Ra-bi-ha mở, một chú đàn-ông ở trong đi ra, coi vẻ mặt hớn hở lắm. Đó là người khách cuối cùng mà Ra-bi-ha đã tiếp rước vậy. Ba người ngó thấy như vậy, máu nóng càng như sôi lên sục sục. Rồi đó cả ba bò lên cầu thang, mở cửa phòng nhè nhẹ mà vô. Trong phòng trang hoàng lịch-sự lắm. Hai đứa con nhỏ, đang nằm ngủ trong xó, Ha-na-sanh nghĩ tới cái cảnh đau đớn của hai đứa nhỏ, ngó thấy mẹ nó tiếp người nầy rước kẻ khác suốt ngày, thì anh ta bũn rũn chưn tay, xám xanh mày mặt, thương con mà tức mình !

Sê-Lim đi trước. Lúc ấy Ra-bi-ha, đã nằm ngủ thiêm thiếp, vẻ mặt coi hình như đã dạn dày với gió bụi phấn son lắm rồi. Sê-Lim bước tới, rút con dao lớn, giấu trong áo ra, một tay đè đầu Ra-bi-ha, một tay để dao lên cổ nàng, nàng chưa kịp giựt mình tỉnh dậy, thì anh ta đã chặt đứt đầu văng ra rồi.

Xong việc, ba người ẵm hai đứa nhỏ ra đi.

Qua bữa sau, mấy anh em suy-nghĩ lại, phải làm sao tiêu-hủy cái xác đi mới được. Họ bèn trở lại nhà củ, mướn một cái xe chở đồ chực sẵn ngoài cửa. Họ lên phòng rửa sạch hết thảy những dấu máu, rồi bỏ xác Ra-bi-ha vào trong một cái rương. Còn đầu nàng thì gói riêng vào cái khăn để đem đi. Đoạn họ khiêng rương xuống xe, biểu chở ra ga xe-lửa. Làm hình như người lữ-khách chở đồ đi đâu xa lắm vậy.

Giữa đường, thình lình tên đánh xe ngó lại, thấy ba người mướn mình chở rương đâu mất, chỉ còn cái rương trên xe, thì nó sợ hoãng hồn hoãng vía. Nó nghi trong rương có vật gì ghê gớm, nên chi nó ngó quanh ngó quất thấy đường cái lúc ấy vắng người, liền xô cái rương xuống bên lề đường, rồi quất ngựa chạy bay như gió. Cách mấy phút sau, một chú lính tuần lững thững đi ngang, thấy cái rương bỏ đó, tức thì báo tin cho sở cảnh-sát hay, sai người ra khiêng về sở, mở rương ra coi, té ra cái xác không đầu của Ra-bi-ha, máu me ghê gớm.

Hai anh em Sê-Lim và Ha-na-sanh, dắt hai đứa nhỏ trở về làng, đưa cái thủ-cấp ra khoe khoang với bà con lối xóm, lấy làm tự-phụ rằng mình đã trừng trị được con đàn-bà bất trinh rồi. Nhờ đó cảnh-sát khám-phá ra được vụ ấn-mạng ấy, và cả người hung-phạm đều bị bắt bỏ khám. Họ vào khám thì chắc nay mai là bị án nặng, thế mà vẫn vui vẻ như không, thỉnh thoảng còn nói với mấy chú lính gác rằng :

— Chúng tôi đã báo thù cho cái danh-dự của nhà rồi, thế là đủ, cái đời của tôi sống chết có kể vào đâu.

◉ ◉ ◉

Hai câu chuyện thuật ra ở đây, đều là quan-hệ tới sự tiết-tháo của đàn bà và danh-dự chung của gia-đình cả. Có đều cái kết-cuộc của mỗi chuyện một khác : người đàn-bà ở chuyện trên kia thì được bỏ qua, còn người đàn bà chuyện dưới thì bị thiệt mạng. Đó là chỗ bày tỏ ra rằng cái quan-niệm về tiết-tháo và danh-dự, mỗi nơi một khác nhau vậy.

Ở đời phải trọng danh-dự, ấy là sự đương-nhiên rồi, không cứ giàu, nghèo, quan, dân, trẻ, già, trai, gái, ai cũng phải biết trọng cái danh-dự của mình thì mới có thể lập thân xử thế được, vậy đều đó khỏi nói nữa. Còn vấn-đề tiết-tháo của người đàn bà thì sao ?

Có người tưng rằng đời nay tiến-hóa văn-minh rồi, tiết-tháo của đàn bà là một thứ luân-lý cũ xưa, không còn thể đứng trong đời tự do nầy được nữa. Nhiều khi vì sanh-kế, vì cảnh-ngộ, vì nghề lắm, hay là vì nhiều chuyện không ngờ, mà người đàn bà phải mất tiết-tháo, vậy không nên lấy cái đó mà chấp-trách người ta.

Theo ý tôi, người ta gặp lúc biến, họa may có thể lượng-tình dung thứ cho về chỗ tiết-tháo đặng, song cũng còn là vấn-đề tùy cảnh tùy người mà định. Đến như sự trọng tiết-tháo, sự giữ tiết-tháo, thì đời nào nước nào cũng phải giữ phải trọng hết cả. Phong-tục phương tây, tự-do giải-phóng đến đâu mặc lòng, xem ra họ cũng vẫn trọng cái tiết-tháo của người đàn bà ở với chồng, ta thấy nhiều khi vì thói ngoại-tình, bất trinh, mà thiếu chi người đàn bà bị thiệt tới tánh-mạng ; hoặc là người vợ có tư tình, thì đó là cái cớ vững vàng thứ nhứt cho anh chồng xin ly-dị. Vậy thì đủ biết là phong-tục và pháp-luật của họ cũng buộc người đàn bà phải giữ tiết-tháo vậy. Nói chi các nước ở phương đông ta, thì tiết-tháo vẫn là một thứ thiêng liêng, người ta vẫn giữ vẫn buộc từ xưa đến nay.

Có đều luân-lý của ta xưa nay, chỉ buộc người vợ phải giữ trinh-tiết, một lòng một dạ với chồng, mà không buộc anh chồng phải giữ trinh-tiết với chị vợ, thì thật là một việc bất công. Có lý nào chỉ để một mình người đàn bà phải ôm lòng son dạ sắt đối với anh đàn ông, nếu sai thì bị luân-lý làm án thế nầy thế kia, còn anh đàn ông có quyền năm thiếp bảy thê, được phép tự-ngộ ngoại tình, không ai được nói động đến. Thứ luân-lý ấy ở ngày xưa là lúc chồng chúa vợ tôi, mới là hạp thời thích dụng mà thôi, chớ ngày nay đàn ông đàn bà cần phải bằng hàng hiệp sức với nhau để mà sống, thì cái luân-lý nặng nhẹ phân chia quá như thế kia, không thể giữ lại được nữa. Tất nhiên phải vợ chồng đều có nghĩa-vụ ràng buộc như nhau. Nếu chồng muốn vợ giữ tiết-tháo với mình, thì mình cũng phải giữ tiết-tháo với vợ mới được. Có cùng giữ với nhau như thế, thì mới được trách nhau.

Mới rồi phụ-nữ Nhựt-bổn và phụ-nữ Trung-hoa đều yêu-cầu chánh-phủ của họ phải thi-hành cái pháp-luật, buộc người chồng cũng phải ôm tiết giữ trinh với vợ ; tôi chịu là phải, và có vậy mới là công-bằng. Tôi muốn sao ở xứ ta cũng có cái pháp-luật ràng buộc chung cả nam nữ như thế, và đàn ông, người chồng, phải bỏ cái thói ích-kỷ đi, mà cũng phải giữ tiết-tháo đối với đàn bà, tức là đối với vợ, như vậy rồi khi có xảy ra chuyện gì quan-hệ tới tiết-tháo của chị em tôi, thì các ông mới có chỗ đắc-thể mà nói.

VÂN-ANH.

NHÂN TƯỜNG

Ý MUỐN CỦA NGƯỜI ĐỜI

Một kỳ báo trước, ông Phan-Khôi có bàn đến cái cười của con Rồng cháu Tiên, cái cười có nhiều chỗ vô vị độc ác, không có nhơn đạo gì. Lời bàn thiệt là xác đáng.

Còn cái ý muốn của người đời cũng vậy, đã kiêm cả sự độc ác, mà thêm một cái hại sâu xa.

Muốn vẫn là một điều trong thất tình của người ta, thì mình phải công nhận rằng người đời ai cũng có cái thiên-tánh đó.

Muốn sang giàu, muốn tốt đẹp, muốn lên xe xuống ngựa, muốn nhà rộng cửa cao, muốn lắm con nhiều của, muốn gấm vóc xa hoa, muốn kẻ hầu người đở, muốn kẻ bầm người thưa. Cái muốn thường tình đó thì ai người chẳng có. Nhứt là đời bây giờ, người người đều thiên về cái quan-niệm vật chất, ai cũng muốn cho cuộc sanh tồn của mình được sung sướng thong thả.

Những cái ý muốn đó, nói là không hại cho ai, nhưng vẫn là có hại. Vì cái lòng dục-vọng của người ta không biết thế nào là đầy đủ được. Người ta đã bước chân vào vòng tranh cạnh, là ai cũng vì tư lợi mình. Miễn lo lấy mình cho vinh thân phì gia, dầu cho hại đến ai cũng mặc. Tấm lòng độc ác của người đời làm ra những chuyện bất bình trong thế giới, cũng vì tư lợi mà ra cả. Nghĩa là làm cho vừa cái ý muốn của mình.

Đã đành rằng, muốn cũng chia ra có chỗ hay chỗ dở. Nhưng than ôi! những đấng thánh hiền muốn cho nhơn-loại khỏi lầm than, thế-giới được yên ổn, thì cái muốn đó không phải ai muốn cũng được.

Con người ta sanh trong đời, được làm chúa tể muôn vật là nhờ ở cái trí khôn, có thể thay quyền tạo-hóa, mà sai khiến muôn loài, làm cho thế-giới trở nên một cõi đời vui vẻ hòa bình được.

Nhưng trí khôn người ta nào có nghĩ như vậy đâu, chỉ một mực tranh cạnh nhau, cho thoả lòng giục-vọng, gây ra nhiều mối hại. Hại nhỏ, thiệt thòi cho xã-hội. Hại lớn thì điên đảo cho nhơn-quần.

Hãy lấy thử một cái thí-dụ rất tầm thường ra mà nói, tỷ như con Lê bận áo cẩm nhung bơm-bay, con Lựu lại muốn hơn con Lê, mà sắm hàng Thượng-hải. Ông điền-chủ A sắm xe Delage, thì ông B là người giàu hơn, phải sắm xe Hochkiss mới được. Ấy là cái việc nhỏ mọn, mà cũng chứng rỏ rằng lòng dạ con người ta, vẫn có một chỗ tối độc ác, là không khi nào muốn cho ai bằng mình hết. Nếu ai cũng cứ nghĩ rằng, áo để che cho thân thể được kín, xe có thể giúp cho sự thông hành được mau; miễn cho chạy được, mặc được là đủ. Như thế thì có chi là tranh cạnh nhau nữa. Đây là nói về giục vọng của kẻ thường nhơn hằng ngày trong xã-hội.

Còn cũng có bực trí thức, giàu lòng giục vọng, đã muốn cho đời mình được no ấm, xe ngựa, đã đành, lại còn muốn đến việc sau này, một mai sao dời vật đổi, thân thế trăm năm, tuy cái thân-hình tiêu ra như cũi mục mặc lòng, nhưng muốn rằng danh tiếng vẫn còn sống với giang sơn, sự nghiệp vẫn còn ấm no con cháu. Bởi vậy có người ngày ngày căm căm, cúi cúi, trong phòng hóa-học, chế ra một muỗng bột có thể giết muôn người, một cục đạn có thể phá tan mấy tòa lầu lớn.

Lòng ác đã đầy dẫy hiển hiện, mà người ta lại cứ hoan nghênh, khen ngợi, nhựt trình này, nhựt báo kia, biên tên chép tuổi ra ý tôn trọng lắm.

Hình như cái sự độc ác đó, không ai cho là quan trọng, mà lại thích hợp với ý muốn của người đời.

Có người nói rằng: Người ta sở dĩ hơn con vật, là vì lấy chút nhơn đạo mà ở với nhau.

Nhưng trái lại, thì người ta hơn con vật là ở chỗ nào kia, chớ về sự cạnh tranh, thì người ta còn dữ tợn với người ta hơn con thú vật lắm. Con vật cắn xé nhau để giành miếng mồi, là khi ruột đói như cào như xé, không thể chống cự nổi với con ma đói được. Chớ còn khi no bụng rồi có mấy khi cào cấu nhau. Chớ con người thì khác, đã no cơm ấm áo rồi, lại còn lập tâm lo kiếm sự này, việc khác, để hại nhau, giết nhau cho thỏa lòng tham muốn của mình mới nghe. Vậy thì lòng người thật là độc ác. Mà bao nhiêu sự độc ác đều ở trong cái ý muốn lòng tham mà ra hết.

Mme VÂN-ĐÀI

Gái góa — La jeune veuve

Ngụ-ngôn LA FONTAINE — **TRẦN-THỊ-KIỆU tập dịch**

La perte d'un époux ne va point sans soupir :
On fait beaucoup de bruit, et puis on se console.
Sur les ailes du temps la tristesse s'envole.
Le temps ramène les plaisirs.
Entre la veuve d'une année
Et la veuve d'une journée
La différence est grande ; on ne croirait jamais
Que ce fût la même personne :
L'une fait fuir les gens, et l'autre a mille attraits:
Aux soupirs vrais ou faux celle-là s'abandonne;
C'est toujours même note et pareil entretien.
On dit qu'elle est inconcevable :
On le dit ; mais il n'en est rien,
Comme on verra par cette fable,
Ou plutôt par la vérité.

L'époux d'une jeune beauté
Partait pour l'autre monde. A ses côtés, sa femme
Lui criait: Attends-moi, je te suis, et mon âme,
Aussi bien que la tienne, est prête à s'envoler.
Le mari fait seul le voyage.
La belle avait un père, homme prudent et sage:
Il laissa le torrent couler.
A la fin pour la consoler ;
— Ma fille, lui dit-il, c'est trop verser de larmes:
Qu'a besoin le défunt que vous noyiez vos charmes ?
Puisqu'il est des vivants, ne songer plus aux morts.

Je ne dis pas que tout à l'heure
Une condition meilleure

Gái nào chồng chết chẳng sầu,
Tình thương nỗi nhớ, mặt rầu, lòng đau.
Lời than, tiếng khóc xôn xao,
Nhưng rồi quên hẳn, có bao lâu ngày.
Thời giờ như có cánh bay,
Bay đi mang cả sầu này cùng đi.
Sầu đi, vui lại trở về,
Đố ai còn biết có kia góa chồng.
Một cô góa đã năm tròn,
Với cô vừa mới quanh phòng hôm qua.
Khác nhau không thể nhìn ra,
Vẫn có gái ấy nhưng mà khác xưa.
Cô xưa ủ rủ đào tơ,
Ngàn vàng không thể nào mua nụ cười.
Cô nay mến cảnh mến người,
Việc muôn năm cũ, cũng người nguôi dần.
Cô xưa vẫn thở dài than,
Ngày qua tháng lại bâng khuâng mối sầu.
Có người đã phải lo âu,
Để ai đắp thảm quạt sầu cho tan.
Xin ai chớ có tin càn,
Lắng nghe chuyện kể rỏ ràng dưới đây.
Hay là chuyện thật đời nay,
Hãy xem cho rỏ mới hay trò đời.

* * *

Người chồng trẻ tuổi đẹp trai,
Xa chơi tiên cõi, bỏ nơi cõi trần.
Bên mình vợ trẻ khóc than :
« Khuôn xanh độc địa, phũ phàng thì thôi !
« Đợi em đi với, anh ơi !
« Đợi em, em nguyện bỏ đời, theo anh.
« Hồn em bay tận mây xanh,
« Càng anh trọn vẹn chữ tình bấy lâu. »
Người chồng yên giấc ngàn thu,
Phòng loan lạnh ngắt, mịt mù tường đông.
Cô ta còn chút nhà Thông,
Khôn ngoan đến mực, sâu nông rõ tinh.
Ra vào giữ mực làm thinh,
Mặc nàng than thở, lệ tình tuôn rơi.
Về sau, ông mới buông lời :
« Nầy con, hãy lặng nghe lời cha khuyên.
« Con ơi ! chớ quá ưu phiền,
« Chồng con đã xuống cửu-tuyền yên thân.
« Con nên giữ ngọc gìn vàng,
« Khóc nhiều, than lắm, chỉ ngần ấy thôi.
« Trên đời đâu thiếu tài trai,
« Thôi con đừng nghĩ đến người cửu-nguyên.

Change en des noces ces transports :
Mais après certain temps souffrez qu'on vous propose
Un époux beau, bien fait, jeune, et tout autre chose
Que le défunt. — Ah ! dit-elle aussitôt
Un cloître est l'époux qu'il me faut,
Le père lui laissa digérer sa disgrâce.

Un mois de la sorte se passe ;
L'autre mois, on l'emploie à changer tous les jours
Quelque chose à l'habit, au linge, à la coiffure:
Le deuil enfin sert de parure,
En attendant d'autres atours.
Toute la bande des Amours
Revient au colombier ; les jeux, les ris, la danse,
Ont aussi leur tour à la fin ;
On se plonge soir et matin
Dans la fontaine de Jouvence.
Le père ne craint plus ce défunt tant chéri ;
Mais, comme il ne parlait de rien à notre belle:
— Où donc est le jeune mari,
Que vous m'avez promis ? dit-elle.

FABLE DE LA FONTAINE.

« Không bảo rằng con quên liền,
« Bây giờ có thể bàn phiền mua vui.
« Thời giờ thấm thoát đưa thoi,
« Rồi sau nầy nếu có người hỏi con.
« Cũng trong ngọc-bội kim-môn,
« Phong tư tài mạo, còn hơn bội phần.
« Tội gì lao tổn tâm thần ! »
— Con đâu dám tiếc tấm thân bạc nầy.
Nguyện đem mình bỏ am mây,
Lòng nầy gởi với cỏ cây cũng vừa.
Nhà thông nghe vẫn thờ ơ,
Nỗi nàng, nàng cứ thẫn thờ hồn mai.
Hết thở ngắn, lại than dài,
Nay hoàng-hôn đã lại mai hôn-hoàng.
Tuần trăng thấm thoát xoay vần,
Mối sầu như đã gở dần dần ra.
Tháng sau đã thấy đỏi xa,
Cài trâm, sữa áo, vào ra nói cười.
Tang xưa nào dấu bi-ai,
Mà nay lại hóa ra mòi điểm trang.
Sầu xưa như đống tro tàn,
Ngày đêm trên gối, mơ màng mộng xuân.
Hội khiêu-vũ, tiệc lầy-trần,
Phất phơ đã thấy bóng nàng lăn la.
Khi ngâm nguyệt, lúc cười hoa,
Ngày đêm trang điểm lượt là phấn son.
Cha già trông thấy tinh con,
Mối lo dường đã tiêu mòn từ đây.
Chuyện xưa nối tóc xe dây,
Nhà thông giả cách không hay biết gì.
Nỗi nàng chiếc bóng song the,
Nữa tình nữa cảnh như chia tấm lòng.
Hở môi ra cũng thẹn thùng,
Lựa lời nàng mới tỏ lòng cha hay :
« Nào người cha hứa những ngày ! »

Mlle TRẦN-THỊ-KIỆU

DỜI CHỖ

Kể từ 1er Août 1931, hiệu *Nguyễn-Đức-Nhuận* và tòa báo *Phụ-nữ Tân-văn* sẽ dời về đường Vannier số 48 (chợ-cũ) Saigon. Xin chư quí-khách và chư quí độc-giả chú ý, cho khỏi lầm lạc về thơ từ.

VỆ-SANH

SỰ NGỦ

Thân thể con người chẳng khác gì là một cái máy xe, máy tàu ; ấy là lời người hay nói ví như vậy. Ví dụ như bộ máy cũng phải. Song phải biết sự giữ gìn bộ máy còn dễ, chớ đến như sự giữ thân thể ta thì thật là khó. Đi đứng, làm công chuyện nặng nề, sanh sẵn, làm lụng đỗ nầy vật nọ, tính toán, thiên-văn địa-lý, khoa-học v...v... chi chi cũng là nhờ bởi cái trí ta mà ra.

Trong lúc thân mình làm mấy điều đó cũng nhờ bởi sự cháy của mấy món đồ mới ăn uống, hay là dưỡng-khí (*oxygène*) chứa trong thân mình, chẳng khác chi cái máy xe chạy được cũng nhờ bởi có than, dầu săng cháy, mới có hơi nóng mà chạy xe được.

Xe chạy lâu cũng phải nghỉ đặng mà chùi lau máy móc và vô dầu thêm. Thân thể mình cũng phải nghỉ đặng cho đồ dơ dáy trong mình đi ra, cho thân thể có sức lực mà làm công chuyện lại.

Theo thân thể người lớn, trong 24 giờ, hay là một ngày một đêm thì nghỉ tám giờ cũng đủ dùng, ấy là theo mấy người dân làm công chuyện ngoài đồng, làm thợ thầy. Bởi vậy mấy người làm ruộng, sớm mai dậy theo gà gáy, chừng bốn giờ rưỡi năm giờ đi làm công việc, và thức cho đến tám chín giờ tối mới ngủ ; sự đó là lệ thường, mà người họ cũng mạnh giỏi.

Còn ở thành thị, đàn ông, đàn bà chẳng phải đi làm ở ngoài mà thôi, mà lại còn lo tính toán, học hành thêm nhiều, vậy nên ở thành thị thì thân thể mình hay mệt hơn là ở ngoài đồng ; mà lại còn bị đông đảo, chật chội, chẳng có khí trời tinh sạch như ở đồng.

Bởi vậy nên ở thành - phố hay đau ốm hơn ở đồng, chẳng khác gì như cái xe máy hơi kia chạy một ngày 12 giờ trong chỗ đường xấu tự nhiên là phải mau hư hơn cái xe nọ chạy một ngày tám giờ ở nơi đường êm ái và sạch sẽ. Ở thành phố phải ngủ hơn tám giờ ; — tối chừng 10 giờ ngủ cho đến năm sáu giờ, còn trưa ngủ hay là nghỉ một hai giờ. Ấy là sự ngủ của người lớn, nghĩa là người hết có sức mà lớn hơn nữa.

Còn như con nít thì lại cần dùng ngủ nhiều hơn nữa, ngủ đặng mà lớn và sửa soạn trong thân thể. Con nít trong một hai tháng đầu, như mạnh mẻ trong mình, bú rồi ngủ, khi đúng giờ bú thức dậy bú rồi ngủ lại. Còn thường thường con nít lớn hơn phải cần dùng ngủ như sau nầy, trong 24 giờ.

Cần dùng 16 giờ — từ 2 cho đến 3 tuổi.
— 15 giờ — từ 3 cho đến 4 tuổi.
— 14 giờ — từ 4 cho đến 6 tuổi.
— 11 giờ — từ 6 cho đến 9 tuổi.
— 9 hay 10 giờ — từ 9 cho đến 16 tuổi.
— 8 hay 9 giờ — từ 16 cho đến 18 tuổi.

Chẳng phải ngủ mà đủ, cũng phải chọn cái chỗ ngủ cho mát mẻ, rộng rải, có khí trời tinh sạch vô ra cho dễ, đừng có mùi hôi hám dơ dáy. Ở xứ ta nóng nực, chẳng cần gì có nệm cho nực nội thêm, giường cây ván ngựa, trải chiếu, có mùng cho khỏi muỗi, ruồi, và nhằm chỗ thanh tịnh, vậy là có ích lắm.

Trong lúc ngủ phải có cái sự thở và trái tim đánh cho đều đặn êm ái. Mấy người ngủ mà nằm cò queo lại, lấy tay gối đầu, nằm nghiêng một bên, chẳng nghĩ được yên giấc, vì phổi bị đè nửa bên, và mạch máu bị chơn cẳng cong lại và bị cản trở, vậy nên chạy chẳng đặng đều, làm cho sự thở cũng khó, thành ra nhiều khi hễ ngủ là ngáy rống.

Mấy người ngủ làm vậy lại hay bị nằm chiêm bao, thấy hung dữ, có khi mệt nhọc thêm nữa. Ngủ, nằm ngửa tay chơn ngay thẳng, quần áo thong thả, chẳng nên cột dây lưng dây nịch làm chi. Như muốn nằm nghiêng thì nằm bên tay mặt ; nằm bên tay trái, nhứt là lúc mới ăn no, trái tim bị bao tử còn đầy đè, máu chạy khó và hay tức ngực. Phải coi chừng có nhiều khi mới ngủ nực, không đắp mình, khuya bị lạnh mà bị đau, trúng thực, hay ho.

Con nít đừng cho nó hả miệng trong lúc ngủ, để cho nó thở bằng lỗ mũi. Khi trời vô phổi bằng lỗ mũi tốt hơn, vì nóng hơn, và trong lỗ mũi nhờ có lông mũi ngăn cản bụi bậm lại, nên khi trời đi ngang qua đó sạch hơn khi trời vô nơi miệng.

Docteur TRẦN-VĂN-ĐÔN

CÔNG VIỆC TRONG NHÀ

MÓN ĂN

THỊT BÒ ĐUNG

Thịt bò chừng nữa kilô lạn gân cho kỷ, xắc mỏng ; 1 muỗng café rượu cỏ-nhắc hoặc ấp-sanh (absinthe), nữa muỗng tương Tàu, ướp thịt rồi rải lên cái dừng để cho ráo, 1 tép sả bầm nhỏ, 2 muỗng nước cốt dừa, 1 su tương Tàu vắt lấy cái, đâm nhuyễn, chừng thịt ráo để vô cối quết thiệt nhuyễn, để các món vô trộn chung nhau, chế thêm 2 muỗng mỡ nước cho béo ; xong rồi nướng 1 viên dùng thử, như lạt thì nêm thêm tương, viên tử viên trương tay cái, gần ăn nướng dọn ăn với bánh tráng thoa sương nước, cắt vuông để vô xửng hấp đem ra sắp lên dĩa, nước cốt dừa nấu sôi gần đặc, để hành lá cho thơm, thoa lên mặt bánh tráng, chuối, khế, rau sống, cải salade, dùng với tương như nem nướng.

* * *

CHẢ PHỒI (chả cua)

Cua biển, lựa cua chắc, luộc chín, rĩa lấy nạc, bóp nát đều, ướp hành ta, nước mắm, tiêu, mỡ gáy, luộc xắc nhỏ như cộng bún, hai phần cua, một phần hoa mở ướp chút đường cát, và củ hành ta, bún Tàu chấn khúc, nấm mèo xắc nhỏ, như mần 3 con cua thì 3 tròng trắng trứng vịt, còn tròng đỏ để khi chả chín thoa mặt. Các món trộn chung cho đều, lấy muỗng hụp thử 1 một chút coi vừa ăn không, như lạt thì nêm thêm nước mắm, nếu có đặt để thêm tròng trứng vịt, là lót xửng phải thoa mỡ, trút chả vô xửng, lấy muỗng tán ra cho đều mặt, chừng chả chín nhắc ra tráng tròng đỏ trứng vịt và gắn lá ngò, hấp lại một chút cho vừa chín trứng vịt là được. Chả nầy dùng nóng ngon hơn để nguội.

* * *

CHẢ BẮP

Mua bắp lựa bắp còn non, để sống lột vỏ, lấy dao xắt cho thiệt mỏng để vô cối quết, nếu làm 10 trái bắp thì 2 con tôm càng, lột vỏ rút chỉ chà muối cho thiệt sạch, đập nhuyễn ướp hành tiêu nước mắm, để tôm vô cối quết chung với bắp, 1 cắc mỡ gáy, luộc chín xắc nhỏ như cộng bún, 3 tròng trắng trứng vịt, 1 chút xiếu đường, các món trộn chung nhau, nêm nước mắm, rồi lấy muỗng múc 1 chút hụp thử, như còn lạt thì nêm nước mắm, ít béo thì thêm mỡ nước, cũng thoa mỡ lá, hấp xửng, trút chả vô ép đều hấp chín, đem ra tráng mặt tròng đỏ trứng vịt rồi hấp lại một chút.

Mme B. V. C.

GIA-ĐÌNH THƯỜNG THỨC

Cách chữa sưng mộng răng.

Lấy tiêu (poivre) đâm nhỏ ra, rồi bọc vào một miếng vải, nhúng vào rượu mạnh Cognac, đắp lên bên má chỗ sưng mộng răng. Cứ đắp luôn cho tới lúc hết thấy đau nhức, sẻ bỏ ra.

Muốn cho sữa khỏi cháy.

Sữa tươi, nhiều người không quen dùng, thành ra thường phải nấu sôi lên, cho thêm đường vào rồi mới uống. Nấu như thế mà không cẩn thận thì hay xảy ra tai nạn bất-kỳ, là vì sữa cũng như dầu săng, rượu, dễ bắt lửa mà cháy bùng lên ; hễ vô ý khi nấu mà để ngọn lửa lên quá miệng soon, là sữa bắt lửa cháy ngay. Mà sữa đã cháy thì không còn ăn được. Nếu muốn trừ cái hại đó thì trước khi nấu sữa, ta nên tráng qua cái soon bằng nước lã, rồi hãy đổ sữa vào nấu thì không hề gì cả.

Cách giữ sữa tươi được lâu ngày.

Đong sữa vào chai, đậy nút cho thật chặt, gắn keo lại rồi đem ngâm vào nước sôi độ mười lăm phút. Sữa tươi làm như thế có thể để được hàng năm, mà khi đem ra dùng vẫn ngon lành và còn có vị sữa tươi.

SONG-HÀ

VĂN UYỂN

HỮU CẢM

Mượn bút làm phương thuốc giải sầu !

Người đời thấm thoát có bao lâu !
Thử xem vỏ trụ chừng bao tuổi ? ?
Ngẫm lại non sông vẫn một màu !
Dương cảnh phong trần đành chịu dại,
Trong vòng tranh đấu nghĩ mà đau.
Ở đời vẫn biết chua cay thiệt,
Tìm cảnh bồng-lai chửa thấy đâu !

MỘNG-TRUNG-NHƠN.

TRONG NGỤC NGÓ TRĂNG

Nhà công ta ở, lính quan hầu,
Ngẫm nghĩ buồn cười cuộc bể dâu !
Vận đỏ bên mình dây bạn thiết,
Hồi đen lánh mặt thấy ai đâu ?
Lầu hồng nhớ thuở thi hừng chí,
Thành khổ thâu canh mõ gọi sầu !
Bỉ thới cuộc đời âu cũng thế,
Ta đây trăng đó, khác gì nhau !

ĐOÀN-HY-TÔ

MONG BẠN

Mong mỏi nãy ai một tấc thành,
Khối tình vẳng vặc, bóng trăng thanh.
Ước gì ta gặp ta trò chuyện,
Chửa biết đêm thừa mấy trống canh.

CẢM TÁC

Vừa mới đêm nào đẹp biết bao,
Đêm qua vùng đổ trận mưa rào.
Đêm qua thì thế đêm nay thế,
Rồi biết đêm mai lại thế nào ?

NGÔ-DUY-PHÙNG

THẤY BÈO TRÔI MÀ CẢM

Ngành lại trời tây : một góc hồng,
Cảnh bèo tha-thớt giữa dòng sông.
Trôi đi đâu đó ? về đâu đó ?
Thấy cảnh, ta đây nặng tấm lòng.....

* *

Tấm lòng thương vật, với thương ai:
Duyên phận linh-đinh, gái sắc tài,
Con Tạo trêu chi người nhược-chất?
Rủi may, may rủi, bến mười hai ?

TRẦN-THỊ-DẬU (*Bến tre*)

KÉN CHỒNG

Tài nhấm không ngơ, sắc cũng không.
Mà em các cớ, lại đèo bòng.
Túi cơm giá áo xin chừa mặt,
Mọt nước sâu dân chẳng để lòng.
Xe ngựa đi về kia lắm kẻ,
Mày râu nhẵn nhụi thiếu gì ông.
Mà em không thích nên không muốn,
Không muốn nên em mới kén chồng.

BẠCH-YẾN.

TỰ THÁN

Chim, nỗi, chua, cay, trải đủ điều.
Nghĩ mình tuổi ít, khổ thì nhiều.
Đường danh gai gốc đau chưn bước,
Bể ái phong ba mỏi cánh chèo.

Tam-kỳ Tạp chí

Cơ-quan tiến-thủ của bạn thiếu-niên

GIÁ BÁO :

Một năm.	5 p 00
Sáu tháng	2 p 70
Ba tháng.	1 p 50

NGOẠI-QUỐC

Một năm.	6 p 00
Sáu tháng	3 p 20
Ba tháng.	1 p 80

Tòa báo : 115 phố hàng Bông Hanôi

Khắc chuyện ba-sanh thương mái tóc.
Nghe câu bốn biển cảm thân bèo.
Vận thời đã thế, thôi thời thế,
Càng nghĩ bao nhiêu cảm bấy nhiêu.

THAN NGHÈO

Non nỉ nhà ai tiếng nhạc thiều,
Buồn tanh riêng cảm cảnh thăng nghèo.
Xong công việc tối lo công sáng.
Rồi bữa cơm mai, chạy bữa chiều.
Nhà dột nợ đòi ngao ngán chửa,
Non cùng sông cạn vẫn còn theo.
Cái nghèo ta bán ai mua chẳng ?
Giá cả ta không kể ít nhiều.

MÁNG XỐI

Biết không thiên hạ sá chi mà,
Đã có trời cao rõ ý ta.
Trăm chuyện từng quen khi nắng dãi,
Một đời không quản lúc mưa sa.
Sá gì gió tạt ra cùng nước,
Bạn với rường cao giúp lấy nhà.
Chung thủy tấm lòng là thế thế,
Biết không thiên hạ sá chi mà.

HỒ-VIỆT-DẦN.

CẢNH GẦN SÁNG

Chùa vầng chuông khua vầng ác đậy,
Non xa mấy đấy bóng trăng vào.
Ngọc trùm ngọn cỏ, long-lanh móc,
Vàng điểm da trời, nhấp-nháy sao.

THĂM BỤI HỒNG CĂM-TÁC

Thong-thả ra chơi ngắm bụi hồng,
Bụi hồng xơ-xác chả buồn trông !
Cành thưa, lá úa, coi tràn lệ,
Nụ héo, hoa sầu, ngẫm chạnh lòng.
Trời nắng làm chi nên nỗi thế ?
Người trồng thôi đến mất công không !
Em đâu ? mang nước mau anh tưới,
Anh tưới cho tan khí nực-nồng.

ĐÔNG-XUYÊN.

TIN TỨC TRONG NƯỚC GẦN ĐÂY

Ông Pasquier sẽ cải-cách cho nước Nam.

Quan Toàn-quyền Pasquier về Tây bấy lâu, vừa đáp tàu trở qua chưa tới Đông-dương, thì các báo Bắc Nam đã bàn soạn rằng : « Thế nào ông Pasquier trở qua đây cũng sẻ ôm theo một cái chương-trình cãi-cách lớn cho nước Nam chớ chẳng không. »

Lời các báo dự-đoán ấy, nay đã thành ra thật sự rồi, nghĩa là chuyến ở Tây qua đây, ông Pasquier có ôm theo một cái chương-trình cãi-cách lớn mà ngài phụng mạng nước Pháp thi hành cho dân Việt-nam ta.

Cứ như lời một bạn đồng-nghiệp ở Saigon thì cái chương-trình cãi-cách ấy gồm cả chánh-trị, pháp-luật, kinh-tế và xã-hội như sau nầy :

Chánh-trị.— Sữa sang lại các hội-nghị, các cơ quan của chánh-phủ ; nới rộng quyền tuyển-cữ ; cho người Nam vào ngạch cai-trị ; quan-lại ta cũng được lương-bổng và tiền hưu-trí như người Pháp ; trừng-trị thẳng tay bọn tham-quan ô-lại.

Pháp-luật.— Sữa sang lại tờ tòa Đại-hình cho tới ngạch quan tòa Annam vân vân...

Xã-hội và kinh-tế. — Cho dân lần lần trở nên tiểu điền-chủ ; thi-hành luật lao-động ; giảm các sắc thuế chánh và thuế phụ ; *bỏ lần lần thuế muối và độc quyền muối ; bỏ độc quyền rượu* ; mở mang việc y-tế, vệ-sanh cho dân, vân vân...

Nếu thiệt quả, chuyến nầy quan Toàn-quyền thi hành cái chương-trình trên đây thì đồng bào ta hân hạnh lắm.

Kinh-tế khủng-hoảng : người mất sở, kẻ sụt lương.

Cái ảnh-hưởng của nạn kinh-tế thật là nặng nề khốn khổ cho người ta quá. Mấy tháng nay chẳng những anh em lao-động ta, bị sut lương mất sở rất nhiều, mà thậm chí cho đến người Tây là hạng làm mướn sang trọng, cũng không thiếu chi người chung chịu một số kiếp ấy.

Từ hồi đầu năm đến giờ, có nhiều người Tây làm việc ở các sở cao-su, các hảng buôn bán ở Cao-mên và Nam-kỳ, bị đuổi, hay đã mãn giao-kèo, hãng không dùng nữa, phải dắt vợ bồng con về Tây nhiều lắm.

Nội một tháng Mai mới rồi, các hãng buôn Tây ở Saigon, đã đuổi hết 63 người Tây làm công, còn những người còn ở lại làm việc thì đều bị sụt lương từ 10 tới 20 /. cả. Tình cảnh của họ thật là nguy ngập vô cùng.

Nguyễn-Huân lên đoạn-đầu-đài.

Nguyễn-Huân là một tay cách-mạng hăng hái, đảng-viên Việt-nam Quốc-dân-đảng, đã thọ hình hồi 5 giờ sáng ngày thứ ba 23 Juin, trước khám-đường Hanôi.

Huân phạm nhiều tội : vào đảng cách-mạng, lảnh trách-nhiệm lo mua súng đạn cho đảng, lại ngày 22 Avril 1930 cầm súng bắn đội Dương, sở mật-thám Hanôi, và ngày 30 Mai năm ngoái, giữa ban ngày lại dám giết M. Nguyễn-Bình, Tham-tá sở Tạo-tác, mà đoạt 11 ngàn đồng bạc để giúp tài-chánh cho đảng cách-mạng.

Cách ít ngày sau Huân bị bắt, và bị phiên Hội-đồng đề-hình nhóm hồi tháng Novembre 1930 lên án xữ tữ. Án ấy có gởi về Tây xin ân-giảm, nhưng bị bác, nên Huân mới bị chết chém độ.

Trước khi lên đoạn-đầu-đài, Huân có xin phép viết một bức thơ chữ Tây gởi về nhà, lời lẽ rất thông và cảm-động lắm.

Lúc Huân bị hành hình, có bà mẹ đến chứng kiến, và xin xác con đem về chôn. Tòa cũng rộng lượng cho phép.

Một ông đại-điền-chủ bị đâm gần chết.

M. Trương-hoằng-Lâu, ở Cầu-kè (Cầnthơ) là một ông đại-điền-chủ, giàu có lớn, mà tánh tình nóng nảy lắm. Nhà ông ở Cầu-kè, nhưng có ruộng đất ở làng Long-thới (Travinh) nhiều, nên ông có cất một cái nhà nhỏ ở đó, rồi thường hay xuống ở làm ruộng.

Hồi 2 giờ chiều bữa 8 Juin, có tên Suốt là tá-điền của ông, bắt được 4 người giăng câu bắt cá trong đất của ông, là sự ông cấm nhặt, nên dắt tới cho ông trị tội.

Lúc ấy có nhiều người theo coi, lại có tên Là kêu là Ty, lối 25, 30 tuổi, bộ-hạ củ của M. Lâu, cũng theo coi nữa. Sau khi ông xữ đám kia rồi

chợt thấy tên Là, không biết giận hờn chi trước, mà ông lại chưởi mắng đánh đập nó như tữ.

Ban đầu tên Là còn lạy-lục năn-nĩ, đến sau nó tức quá, bèn rút dao nhỏ mới dùng gọt xoài ăn với anh em hồi nảy, kế thấy đám ấy thì chạy theo coi, nhảy tới đâm vào bụng M. Lâu 2 dao trên rún rất sâu, máu ra linh-láng. M. Lâu bèn chạy ra sau lấy cái chết, quyết trã thù tên Là, nhưng bị bọn bộ-hạ giựt lại, kế ông nhào lăn, la lớn : « Trời ơi ! Thời tôi đã hết rồi ! »

Thiên-hạ áp bắt tên Là, đánh nó đến chết giấc, rồi giải ra quan Biện-lý Travinh, và chở M. Lâu lên nhà thương Cầnthơ. May nhờ có đốc-tơ Hilaire và lương-y Nguyễn-tấn-Đởm mổ bụng ra may ruột lại, cứu được M. Lâu khỏi chết, và nay mai ra nhà-thương được.

Lính bắn một tên dân.

Tên Nguyễn-văn-Thu lâu nay có trát tòa tập nã về tội bạo-động trong hạt Chợ-lớn, song linh và làng tìm bắt nó không được.

Bữa thứ bảy 20 Juin mới rồi, có ba vị Hương-chức làng Mỹ-thành, quận Đức-hòa (Chợlớn) cùng một người lính, có súng, đang đi tuần, bổng lại gặp Nguyễn-văn-Thu.

Mừng quá, Hương-chức bèn kêu nó đứng lại, nhưng nó lại co giò mà chạy riết. Hương-chức và lính liền rược theo, khi liệu thế chạy không khỏi, Ng.-văn-Thu bèn trở lại toan chống cự với lính và làng, kế bị lính bắn trúng đùi té quị.

Thấy Thu bị thương nặng quá, người ta bèn chở nó lên nhà thương Chợ-rẫy (Chợ-lớn) song qua hai bữa sau thì nó chết.

Một viên quan Cai đồn Tây, giết chết một thầy giáo và đánh một ông Đốc-học ta trọng thương.

M. Siviet là Cai đồn Can-lộc ở tỉnh Hà-tịnh, mới bị ban Uỷ-viên điều-tra thời-cuộc Nghệ-Tịnh khép vào tội giết chết một vị giáo-học, của nhà-nước bổ ra làm thông-ngôn cho ngài, và đánh ông Đốc-học, chữ của thầy giáo võ phước kia bị trọng thương, phải chở vào nhà thương Vinh, bịnh tình nguy ngập lắm.

Siviet đã bị bắt giải về Hanôi, giam vào ngục, và nay mai sẻ đem ra tòa Đại-hình xét xữ.

HÃY HÚT THUỐC JOB

Khách-trú mua vàng đồ để làm gì ?

Dạo nầy người Huê-kiều đồ đi miệt Lục-tỉnh mà hỏi mua vàng đồ, là vàng đã làm ra đồ nữ-trang rồi, nhiều lắm. Có cã thợ bạc ta cũng đi mua như họ nữa, mà họ mua mắc, mua gần đúng giá vàng y, chớ không phải mua rẻ mạt đâu.

Thấy họ giành nhau mà mua, mua nhiều lắm, và hễ khi hết tiền thì họ lại dòng về Saigon, bán những vàng kia lại lấy tiền, rồi trở ra mua nữa.

Không biết họ mua làm chi, và sợ e có bán lầm rẻ đi chăng, nên có người tọc-mạch hỏi thăm cho biết nguyên-nhơn thì họ đáp :

« Lúc nầy nhà-nước cần dùng vàng để đúc đồng vàng nên kiếm vàng mà mua dữ lắm, hồm nay mua có mấy muôn lượng rồi, bây giờ tiệm Đồng-thanh, tiệm Nam-thanh... ở Chợlớn không còn một lượng vàng ! »

Người Huê-kiều nói « *nhà-nước* » đây là nhà-nước nào ? Nhà-nước của họ hay nhà-nước của ta ? Và họ mua vàng để làm gì, mua như vậy, bán như vậy, có thiệt hại gì cho người Annam chăng ?

Chúng tôi xin sở Mật-thám hảy can-thiệp vào vụ nầy và giải bày việc ấy ra cho chúng tôi biết với.

Một viên Phóng-sự nhà báo bị giết tại Bến-thủy.

Đêm thứ tư, 24 Juin, M. Phạm-đình-Phước, là Phóng-sự viên của bạn đồng-nghiệp *France-Indochine* ở Vinh bỏ nhà đi đâu mất, nay mới tìm thấy tữ thi trôi dưới giòng một con sông ở Bến-thủy, mà nơi cổ có dấu dao chém hai vít rất sâu.

Theo dư-luận ở đây thì có lẻ M. Phước bị giết vì oán thù hay là về ý-kiến chánh-trị, song chưa tìm ra thũ-phạm.

Cải-chánh

Kỳ trước có bài nói về tin tức trong làng báo, chúng tôi nói làng báo Bắc-kỳ mới khai-sanh ba tên dân mới, mà trong đó có báo *Donnai* của M. Đoàn-quang-Tản, ấy là một sự lầm vô ý.

Tờ báo mới đó sẽ xuất bản ở Saigon, và nghe nói là của một ông đốc-học trường tư.

Sự lầm vô ý như thế, chắc có lẻ độc-giả cũng đã cãi-chánh giùm cho trong khi đọc tin ấy rồi.

TIỂU THUYẾT MỚI

Hiệp Nghĩa Phong Nguyệt

Trọn bộ là 4 cuốn, giá 1 $ 00. Dịch giả là Nguyễn-chánh-Sắt tiên-sanh, ấy là một bộ truyện rất hay, rất có giá trị ; trong đấy có một cậu Công-tử tài tình đủng bực, nghĩa dòng phi thường; lại thêm một cô Tiểu-thơ cơ trí nhiệm mầu, kiên trinh tuyệt thế ; về phương diện luân-lý và phong-hóa thì cực kỳ cao thượng, về phương-diện ngôn ngữ thì dầu cho ai có cái lưỡi bén như gươm cũng không hơn được. Tưởng khi độc-giả chư tôn, ai ai cũng từng biết. Bộ truyện nầy sự tích rất hay, mà câu văn lại tao nhã; mấy cậu thanh-niên nên xem, mấy cô thiếu-nữ lại càng nên đọc.

SỬ NƯỚC ANNAM

Lê-triều Lý-thị Những ai muốn biết việc nước nhà hãy mua mà xem.

Giọt lụy thương tâm Lời trước quyết ăn năng, son phấn đã phai màu trắng bạc. — Tình sau mong chắp nối, bút nghiên vẽ đậm nét lông vàng. Giá: 0 $ 40.

Trâm gảy bình rơi Trăm năm tạc một chữ đồng. Giá: 0 $ 30.

Nhi-nử tạo Anh-hùng Cho phụ-nữ xem. Giá: 0 $ 20.

Nam-nử anh-hùng Thiên hạ hoan nghinh trừ nha-phiến. 0 $ 20.

Sư-Tử cưới vợ Chuyện bên Ấn-độ. 0 $ 15

Có bán tại nhà in J. NGUYỄN-VĂN-VIỆT, rue d'Ormay 85-87. Saigon.

Đàn bà..... có con!??

Con nít phần nhiều trong ruột có « *Lải-kim* » nó làm cho khó lớn và hay đau. Vậy nên cho nó uống *Thuốc xổ* hiệu NHÀNH-MAI, thì qui bà được vui lòng thấy xổ phần dơ dầy. (*Lải-kim*) và côn-trùng nho nhỏ đều bị thuốc tống lỗi ra cả. Người lớn con nít đều dùng đặng. Có bán nơi tiệm Nguyễn-thị-Kính chợ mới Saigon, và các gare xe điện từ Bình-Tây tới Govap, và có gởi bán khắp các tỉnh trong Nam-kỳ, nơi mấy tiệm thuốc Annam và mấy tiệm Bazar. Ở Hanoi có bán nơi M. Nguyễn-văn-Đức, 11 Rue des Caisses. Haiphong nơi Quảng vạn Thành 120 Bonnal. Mua sỉ, lời nhiều, do nơi Madame HƯƠNG-GIÁO Village Bình-đăng (Cholon). Giá mỗi gói 0 $ 20.

NHÀ LẤY RỪNG LIỀN

TRẦN-DUY-BÌNH

LÃNH TRƯỞNG LIỀN KIỀU KIM THỜI

KHẮC CON DẤU ĐỒNG VÀ BẰN ĐÁ CẨM-THẠCH

CHẾ TẠO CÁC THỨ NÓN BẰNG CAO-SU

Bán sỉ và bán lẻ ◇◇◇◇ có CATALOGUE

ÉCOLE CENTRALE DE COMMERCE

Rue Vassoigne, Saigon-Tandinh

Directeur : TRẦN-MẠNH-NHẪN Ingénieur.

ÉCOLE CENTRALE DE COMMERCE là trường Thương-nghiệp rất lớn tại Saigon, sáng lập đã lâu năm, chuyên dạy các khoa : *Bút toán, đánh máy viết, viết tắt, chữ Pháp, chữ Anh, tiếng Quảng-Đông* và nhiều khoa khác không ăn tiền. Các vị giáo-sư đều có cấp-bằng trường Cao-đẳng Pháp-quốc, và ngoại quốc, hết lòng dìu dắt bạn thanh-niên trong đường học-vấn, nên những cựu học-sanh đều có việc làm và được chủ hãng khen ngợi. Vậy quí ông, quí bà có con em muốn cho học mau thành tài và chắc có việc làm thì nên gởi tới bổn trường, chắc được vừa lòng. Có chỗ mát mẻ cho học sanh ăn ở luôn trong trường. Cần hỏi đều chi xin viết thơ cho :

MONSIEUR TRẦN-MẠNH-NHẪN
Directeur de l'École Centrale de Commerce,
47, Rue Vassoigne — Saigon-Tandinh.

Một trăm thứ hàng mới kiểu lạ

Trước khi lựa chọn hàng giẻ cho đủng theo kim-thời, xin qui bà qui cô nhớ hiệu :

WASSIAMULL ASSOMULL ET Cie

34-36 Rue Catinat

SAIGON

P. S. — Qui bà ở xa muốn dùng thứ chi xin nói rõ, bổn-hiệu sẽ gởi kiểu hàng và cho giá.

Nì mỏng thiệt tốt
Mới lại có đủ màu
Mền toàn lông chiên
Trắng và màu.

Nón nì MOSSANT

Hiệu : NGUYỄN-VĂN-TRẬN

96— Bd Bonnard
—: SAIGON :—

Téléph : N° 178

Tác-giả : B. Đ.

XÃ-HỘI TIỂU-THUYẾT

Cậu Tám Lọ

(*Tiếp theo*)

Chị em cầm tay nhau đi thẳng ra nhà ngoài... Bà Phán đang ngồi uống trà với Thị-Minh, Kiều-Nga đang chĩ biểu cho ba Hoa chùi đồ. Bà thấy Kiều-Tiên thì cười mà rằng : « Con coi em con lo lắng giùm cho con nhiều lắm. Con ba Hoa cũng vậy. Sao hôm nay hai con nói chuyện gì với nhau mà lâu dữ vậy ? Ừ chĩ còn có mươi ngày nữa thì đi xa, cũng nên nói cho phĩ tình. »

Kiều-Tiên thưa rằng : « Em Kiều-Nga siêng năng quá. Sau đến phiên của em thì con sẻ xin lo lại. Hôm nay mẹ có khoẻ không ? »

— Khoẻ lắm. Hồi hôm thức khuya như vậy rồi bữa nay dậy sớm mà trong mình vẫn khoẻ như thường. Cho biết hễ có chuyện vui trong nhà thì quên hết cả sự mệt nhọc. Ừ, ngày sau mẹ sẻ giao hết công việc cho con để đền ơn cho em con lại.

Kiều-Nga để chai thuốc chùi đồ đồng xuống, nói với Kiều-Tiên rằng : « Em có lấy chồng đâu mà chị lo ? Em chĩ muốn ở với mẹ trọn đời. Chị ra lấy chồng... Liễu-Chi ra lấy chồng... Ai ở nhà với mẹ ? Em không muốn đi khỏi nhà nầy đâu. »

Nói rồi lại mĩn cười, đưa hàm răng hột dưa trắng nỏn trắng ngần giữa cặp môi son trông rất dễ thương. Câu nói rất vắn tắt mà có nhiều lẻ làm cho bà Phán ngẫn ngơ, Thị-Minh bối rối, Kiều-Tiên và Liễu-Chi ngậm ngùi. Nếu chẳng ai hiểu thấu tấm lòng và tư tưởng của Kiều-Nga trong lúc bấy giờ thì đều ái ngại cả. Bà Phán dạy rằng : « Con nói mẹ nghe lạ quá, sao mà lại không lấy chồng ? Bây giờ con nhỏ chờ trong vài ba năm nữa, lúc đến trạc tuổi của chị con thì từ chối sao được. Mà thôi ! Mỗi năm nghĩ một khác, để thũng thẳng rồi sẻ hay. »

Kiều-Tiên nói : « Em nói vậy chớ một người như em không bao giờ ở với mẹ suốt đời được. »

Nàng và nói và cười... Liễu-Chi cũng cười.

Kiều-Nga cầm cây đèn bằng đồng mà sững sờ. Trước mắt thoãng thấy Thành-Trai cùng các bạn đồng-chí đang trèo non vượt biển...

Kiều-Tiên nhìn quang cãnh nhà chưng dọn rực rở mà mơ màng thấy Minh-Đường cầm hai chiếc nhẫn trong tay, miệng cười chúm chiếm...

* *

Trên ghế bàn dài, giấy tờ ngổn ngang nằm chen những cuốn tiểu-thuyết, những quyển tạp-chí, những cái cliché... bên thì một xấp nhựt-trình, bên thì một chồng giấy trắng rọc, giữa có cái cặp-da đẹp, mấy cây viết xinh, đôi bình-mực lịch sự. Một người ngồi chống tay trên bàn ấy, miệng đang ngậm điếu thuốc xi-gà, chơn trèo mấy, ngó một người khác ngồi bên cạnh chăm chĩ dịch mấy cái tin ngoại quốc. Người hút thuốc ấy trạc trên ba mươi tuổi, tóc chải láng như cái hộp mun đánh sáp, con mắt nhỏ, mặc áo sơ-mi lụa, quần tuýt-so, đi giày oẹt-ni, cái áo « sẹt » thì móc sau ghế ngồi... Người ấy chính là Hải-Tâm, chủ-bút báo *C.* ... người ngồi gần đấy cũng một trang tuổi với Hải-Tâm, áo quần cũng bảnh bao như thế, là Lê-thành-Tượng... Bên góc, gần cái bình-phong bằng mây, có một cái ghế dài và ba bốn cái ghế mây... Phía ngoài, bên phòng kế đó có năm sáu người lon-ton đang viết bằng nhựt-trình.

Hải-Tâm phì phà đôi ba lần khói, thọc tay vào túi quần lấy khăn mu-soa lau mặt, rồi bấm chuông. Một người sau nhà in lật đật cầm một xấp « morasse » chạy lên. Hải-Tâm tiếp lấy và nói : « Hôm nay có cái cliché « Đế-thiên Đế-thích » đẹp lắm, anh sắp làm sao cho cân phân, để trông cho lịch-sự nghe ? À, bài « Địa-dư đối với lịch-sử thế nào » của ông Thủy-Cảnh gởi đến đâu rồi ? Anh đã sắp chưa ? Nếu chưa thì nên đình lại, để sắp bài « Vậy cũng là làng » của ông Hương-quản Lê-Tào cho kịp ngày nay đi. »

Người thợ sắp chữ lật qua vài ba tấm giấy chữ in ướt mẹp, lấy một tấm lớn đưa cho Hải-Tâm mà rằng : « Sắp rồi đây. Bài nầy hay quá, có nhiều ông đọc khen tư-tưởng cao và văn-chương lỗi lạc, vậy ông cho ra bữa nay hay sao ? »

HÃY HÚT THUỐC JOB

Hải-Tâm nhăn mặt, nói : « Cũng được ! nhưng mà dài quá, ít nữa là ba bốn kỳ báo nữa mới hết. Nếu không đăng tiếp thì độc-giả không chịu, mà hễ đăng cho hết, đừng gián đoạn kỳ nào thì còn chỗ đâu mà đăng bài « Vậy cũng là làng». Thôi, anh chịu khó trã chữ rồi sắp lại bài này. »

Người thợ sắp chữ ngó qua ngó lại một hồi rồi lắc đầu mà rằng : « Nếu trã chữ lại thì chắc là hôm nay báo phải ra trễ. »

Lê-thành-Tượng nghe nói, để cán viết xuống, xây lại nói rằng : « Nếu không kịp thì để mai cũng được. Hôm qua tôi đã nói với ông Hương chưa chắc cho ra ngày nay kịp. Ông ta cũng biết mình hết lòng với ổng lắm mà. »

Hải-Tâm gật đầu.

Câu chuyện chưa dứt, người thợ sắp chữ đứng tần ngần một bên bàn, thì tên lon-lon đã vào thông tin rằng có người đến hỏi ông Chủ-bút... Hải-Tâm lật đật vuốt tóc, mặc áo, xếp đặt giấy má trên bàn lại có thứ tự rồi biểu mời lên. Người thợ sắp chữ bước xuống thang lầu thì Minh-Đường và cô Lý đã lên tới.

Hải-Tâm và Lê-thành-Tượng ra chào rồi mời vào trong. Minh-Đường và cô Lý ngồi xong, Hải-Tâm nói : « Hôm trước chúng tôi có tiếp được thiệp mời, lấy làm cãm tạ lắm. Cliché đó làm xong rồi ít bữa nữa sẽ đăng lên báo để mừng cho ông và cô Thủy-Hoa. Chúng tôi hằng ước mong cho cô xuất-giá để bớt sự bận bịu, và có lẽ sau nầy chúng tôi còn được thưởng-thức văn-chương của cô nhiều. »

Cô Lý nhít miệng cười, hai con mắt chăm ngó Hải-Tâm làm cho Hải-Tâm rất khó chịu... Minh-Đường vẫn giữ nét mặt nghiêm nghị, ngồi xích lại gần bàn, nói một cách rất ôn tồn rằng : « Tôi cũng thâm cãm tấm lòng quí hóa của ngài. Quí ngài đã được biết Thũy-Hoa chẳng những về phương-diện văn-chương, tư-tưởng, và cả về các phương-diện khác nữa. Thủy-Hoa là người ra thế nào, một người chồng, một người yêu, không thể bình-phẩm được, tôi chỉ xin quí ngài lấy con mắt tinh đời mà xem xét mới thật đúng đắn. Vậy thì quí ngài có sự gì bất bình với Thũy-Hoa, hay là với Kiều-Tiên thì xin nói cho tôi rõ. Kiều-Tiên với Thũy-Hoa tuy là một người, nhưng có lẽ lại thành hai nhân-vật khác nhau, tôi chưa hiểu rõ nên chưa muốn nói nhiều, xin quí ngài cãm phiền mà cho tôi hay ý-tưởng của quí ngài về cuộc đám cưới ấy. »

Hải-Tâm và Lê-thành-Tượng đều ngạc-nhiên, ngó nhau rồi xây lại nhìn Minh-Đường... Minh-Đường không đổi sắc, mặt vẫn như lúc mới vào, tay vẫn để trên bàn, hai con mắt vẫn chăm vào Hải-Tâm. Hải-Tâm hỏi : « Câu nói của ông lạ lắm, làm cho tôi không hiểu chút gì cả. Thũy-Hoa là một người mà chúng tôi vẫn có lòng yêu quí đã lâu. Khi chưa biết người, chúng tôi rất mến văn của cô, nay hiểu được người, chúng tôi lại càng trọng tấm lòng cô lắm, chớ có sự gì bất bình xãy ra đâu. Hoặc là có ai đem chuyện gì nói vu cho chúng tôi chăng ? Ông phải biết rằng người làm báo bao giờ cũng có kẻ thù, không sao tránh được. Nếu quả như vậy thì ông cứ nói thật cho chúng tôi rõ, chúng tôi sẻ liệu. »

Cô Lý không để cho Minh-Đường nói, cô nói trước rằng : « Nếu ông không thù oán gì với cô Kiều-Tiên sao ông lại đăng bài vào báo để mĩa mai cô. Bài ấy phạm đến danh giá của cô và của ông Minh-Đường, ông chưa biết sao ? »

Minh-Đường cũng gật đầu rồi nói thũng thẳng rằng : « Quí ngài nói cũng có lý. Quí ngài yêu Thũy-Hoa cũng có lẻ. Nhưng có một việc mới xãy ra rất quan-hệ đến danh-dự chúng tôi, tôi mới tìm đến đây để hỏi lại quí ngài. Quí ngài có thấy một bài đăng hôm thứ tư ngày 29 tháng nầy trong quí báo nói về cuộc hôn nhơn của tôi chăng ? »

Thành-Tượng và Hải-Tâm đều biến sắc, bấm chuông kêu lon-ton lục tờ báo hôm ấy. Hải-Tâm nói : « Ông cứ ngồi yên, chĩ vài phút đồng hồ nữa thì rỏ ràng. Có lẻ nào trong báo tôi mà lại có bài kỳ quái ấy. Từ lúc nào tôi vẫn có lòng ngưỡng mộ ông, không bao giờ tôi lại để cho ai dùng tờ báo nầy trong lúc tôi còn làm chủ-bút mà công-kích những người phải bao giờ. »

Tên lon-ton đem tờ báo ấy lên, Hải-Tâm tiếp lấy dở ra thì thấy bài « **Sự thật hay là tiểu-thuyết** » choán gần hai cột báo ở trương thứ hai. Minh-Đường lấy tay chĩ bài ấy mà rằng : « Xin ngài cứ đọc cho hết bài nầy thì rỏ. »

Hải-Tâm chưa đọc mà đã đổi sắc.

Đọc xong, Hải-Tâm đấm tay xuống bàn kêu Thành-Tượng mà rằng : « Quả là lời của ông Bác-vật không sai chút nào. Anh đò morasse mãi mà sao không đọc cho kỹ những bài nầy để sanh ra sự mích lòng nhau ?... »

Minh-Đường chận lại, nói rằng : « Mích lòng thì cũng không đủ kể, phạm đến danh giá của một người dàn bà mới thật là hệ-trọng. Quí ngài đã thấy rỏ bài nầy trong báo không còn ngờ việc gì nữa, vậy quí ngài có vui lòng tỏ cho chúng tôi biết bài nầy do một kẻ nào viết ra không ? »

Hải-Tâm nói : « Xin ông biết cho rằng tuy thế nào mặc dầu chúng tôi cũng vẫn có ít nhiều học-thức,

chúng tôi biết danh-dự là trọng, chúng tôi không làm những sự hèn hạ như vầy đâu. Chúng tôi xin thề rằng chúng tôi không hề thấy bài nầy. »

Minh-Đường nói : « Quí ngài đã tin rằng bài ấy là không thật, bài ấy là chuyện bày đặt để nói xấu cho những người khác thì xin hãy tìm nguyên-văn của người viết cho tôi xem có được chăng ? »

Thành-Tượng gật đầu, biểu lon-ton đi lục bài ấy. Hải-Tâm chống tay vào gò má, ngó lên vách tường, xem bộ giận dữ mà không nói được. Thành-Tượng nói giả lã rằng : « Sự nầy cũng là một sự quái lạ. Một bài đăng báo mà trong tòa-soạn không ai hiểu thì thật cũng kỳ. Thôi, để chúng tôi tra hỏi bọn lon-ton và những thợ sắp chữ lại thử coi. »

Minh-Đường nói : « Ông tính như vậy phải lắm. Ông hỏi coi ai sắp và ai sữa bài ấy thì có lẻ biết mà ! »

Tên lon-ton tìm được bài đem lên đưa cho Hải-Tâm. Hải-Tâm cầm xem rồi đưa qua cho Minh-Đường. Minh-Đường thấy một bài báo mà từ đầu chí cuối đều sắp bằng những chữ in rất cẩn thận. » Chàng thở ra, gật đầu mấy cái dường như đã đoán được chút đĩnh gì rồi. Bấy giờ Thành-Tượng cho kêu tất cả lon-ton và thợ sắp chữ lên hỏi thì có một người thợ thưa rằng : « Chính là tôi thấy trong tập bài. Tôi sắp xong đem lên cho ông sữa; nhưng lúc ấy lại có một ông khách lạ. Ông ấy nói để ông sữa giúp ông cho mau để cùng đi chơi. Qua bữa sau cũng có ông ấy đến, khi đem « morasse » lên thì ông lại bảo đưa cho ông khách ấy xem. Chĩu vì có thế mà bài nầy đăng ra báo trong tòa-soạn không ai biết cả. »

Hải-Tâm đập tay xuống bàn, cằn rằn một hồi rằng : « Bậy quá ! Cái tánh làm biếng nhiều khi cũng có hại thật, xin ông thứ lỗi. Để rồi tôi sẻ viết một bài đính-chánh lại, tôi sẻ nói rỏ tại sao mà có bài ấy đăng lên báo, và bài ấy vấo tay thợ sắp chữ cách bí mật thế nào cho độc-giả biết thì mới lòi sự khiếp-nhược của kẻ khác. Nếu tôi biết trước một giờ nào thì tôi cũng đã đính-chánh lại nội giờ ấy rồi. »

(Còn nữa)

HÃY HÚT THUỐC JOB

Chocolat Nestlé
chẳng những là đồ để tráng miệng quí mà nó cũng là một món ăn bổ khoẻ.

Chocolat Nestlé

Tác-giả : HỒ BIỂU-CHÁNH

Con Nhà Giàu

(*Tiếp theo*)

— Không có được. Tôi biết góp lúa, chớ tôi không biết làm ruộng.

— Không chịu làm ruộng, thì lúa đâu có mà góp? Mình nói nghe kỳ quá, muốn giàu mà không chịu làm.

— Mấy kẻ nghèo thì họ phải làm cực khổ đặng có cơm mà ăn. Mình là con nhà giàu có, dại gì mà phải đi làm cho mệt.

— Nếu vậy hễ con nhà giàu thì không nên làm ăn hay sao? Giàu cho mấy đi nữa, mà nếu không lo làm, cứ ở không đi chơi phá tiền hoài, thì dầu ruộng đất cò bay thẳng cánh đi nữa, tôi sợ cũng phải tiêu hết.

— Mình có giỏi làm thì mình làm đi. Tôi đi chơi, chớ tôi không thèm làm việc gì hết.

Cô ba Mạnh hết muốn nói chuyện với chồng nữa. Cô lắc đầu rồi xây lưng muốn đi ra. Thượng-Tứ kêu cô lại mà nói rằng: «Đưa cho tôi ít trăm đồng bạc». Cô chưng-hửng, đứng ngó cậu mà hỏi rằng:

— Bạc đâu có mà đưa? Vậy chớ bạc lay với bạc má cho hôm về bên này đó mình làm tiêu hết rồi hay sao?

— Hết rồi.

— Cha chả! Xài giống gì mà bốn năm trăm đồng bạc mới hơn một tháng nay đã tiêu hết lận?

— Tôi cho họ mượn.

— Cho ai mượn ở đâu? Sao tôi không hay?

— Mình không phép tra vấn tôi trong cuộc tôi ăn xài. Tôi không quen thói bo-bo, có đồng nào các-ca các-cùm bỏ ống đồng nấy như họ vậy được. Đời bây đồng tiền đồng bạc đặng cho mình xài, bởi vậy hễ có tiền thì xài, dại gì mà hà-tiện.

— Xài thì xài, song xài phải cho có độ có lượng, chớ xài cố mang nó tiêu hết rồi còn gì mà ăn.

— Chưa hết đâu mà lo!

— Dầu bây giờ chưa hết, thì một lát nữa nó cũng phải hết.

— Thây kệ, chừng nào nó hết rồi sẻ hay. Bây giờ còn thì xài.

— Mình còn thì mình xài đi, sao hỏi tôi nữa làm chi?

— Của tôi hết rồi.

— Hết thì thôi. Tôi có tiền bạc gì đâu mà mình biểu đưa cho mình.

— Mình giữ chìa khóa sao lại không có tiền?

— Bạc tôi giữ đó là bạc của thầy má, chớ phải bạc của tôi hay sao.

— Bạc của thầy má tức thị bạc của mình chớ của ai.

— Mình nói sao vậy? Bạc của thầy má là bạc của thầy má, chớ của tôi sao được? Mình coi của thiên-hạ là của mình hết hay sao nên mình nói như vậy?

— Mình là con trong nhà; bạc của cha mẹ là bạc của mình, trước sau gì mình cũng xài, bây giờ mình lấy mớ nhằm mình xài lại hại gì.

— Mình muốn tôi ăn cắp bạc của thầy má mà đưa cho mình xài phải hôn? Không được. Tôi không chịu làm cái thói đó. Thuở nay tôi giữ tiền bạc, chẳng hề bao giờ tôi dám động tới một đồng su. Như mình muốn có tiền mà xài, thì mình thưa với thầy má mà xin. Chừng nào thầy má biểu đưa thì tôi sẻ đưa cho.

— Ai mà xin kỳ cục vậy nà!

— Mình không dám xin thì làm sao tôi dám cho.

— Thôi, mình xin giùm cho tôi đi.

— Ý, ai dám! Xin bây giờ biết nói sao mà xin.

— Làm sao thì làm, không biết. Phải có tiền cho tôi xài chơi, bằng không thì tôi buồn đây tôi đánh mình chết.

— Đánh thì đánh, chớ ai biết làm sao cho có tiền.

Thượng-Tứ xụ mặt châu mày mà nói lầm bầm rằng: «Đồ mọi, biểu đưa ít trăm đồng bạc, nhiều lắm hay sao? Khéo làm bộ chó chết.»

Cô ba Mạnh thấy chồng trỏ mỏi thô-lỗ thì cô chưng-hửng; cô ngó chồng một cách rất khinh-bỉ, rồi cô bỏ đi ra ngoài. Trời tối đã lâu rồi, mặt trăng rằm đã ló mọc, mà vợ chồng ông Hội-đồng còn ngồi trước sân mà chơi. Cô ba Mạnh đứng dựa cửa, ngó cha mẹ rồi ngó mặt trăng, cô lấy làm buồn cho mẹ cha, mà cô cũng lấy làm thẹn với bà Nguyệt.

* * *

Cô ba Mạnh là con gái nhà giàu ở thôn-quê, hồi nhỏ cô đi học tại trường trong làng, biết chữ quốc-ngữ với bốn phép toán mà thôi, chớ cô không có học Nhà-trắng hay là Nữ-học-đường mà biết nói tiếng Tây, biết dồi son phấn, biết đi giày cao gót, biết xách bóp tòn-ten như con gái khác. Nhưng mà cô nhờ có cha hiền-đức, lại nhờ có mẹ chín-chắn, người dạy luân-lý, kẻ tập nết-na, nên dầu chỗ kiến-thức của cô không được rộng xa, chớ lòng cô kính thờ cha mẹ, cách cô giao-tiếp người trong xóm trong làng, cùng là cách cô cư xử với bạn-bè tôi-tớ, mỗi mỗi đều đúng-đắn hết thảy. Trong gia-đình chẳng có một việc nào mà cô không dòm ngó, cô coi nấu nướng dưới nhà dưới, cô coi quét dọn trên nhà trên, bởi vậy từ khi cô mới 15 tuổi thì cha mẹ đã giao hết việc trong nhà cho cô quản suất. Ngày thường thì cô cầm chìa khóa tủ cây tủ sắt hết thảy, đến mùa lúa thì cô coi thẻ mà thâu lúa ruộng vào kho. Bạc tiền bao nhiêu một tay cô giữ gìn; lúa thóc bao nhiêu cũng một tay cô cầm sổ. Thuở nay những người trong làng trong tổng thấy ông Hội-đồng có con giỏi-giắn như vậy cũng đều cho ông là người có phước.

Cũng một người đó mà đối với cha mẹ thì cha mẹ có phước, còn đối với chồng sao chồng lại mắng là mọi rợ?

Thuở nay cô ba Mạnh chưa từng nghe ai nói với cô một tiếng nặng-nề. Cô có chồng chưa được mấy ngày, lại cô cũng chẳng có làm việc chi quấy, mà chồng mắng là «đồ mọi»; cô nhớ tới hai tiếng ấy thì cô đau-đớn tức tủi trong lòng, chẳng khác nào như chim bị tên, như hoa héo nắng. Sự đau-đớn tức tủi này có nên tỏ cho cha mẹ biết, hay là phải giấu-giếm để than trộm khóc thầm? Tỏ cho cha mẹ biết thì làm buồn cho cha mẹ, để giấu-giếm khóc thầm thì càng nhọc cho trí mình. Mạng số mình phải gặp người chồng du-hí du-thực, phá của phá tiền, không biết lễ nghi, ăn nói thô lỗ, thì mình cũng nên cười mà chịu, chớ tỏ với ai làm chi mà cũng chẳng nên than phiền làm chi.

Cô ba Mạnh đốt đèn bưng vào phòng, cô thấy Thượng-Tứ còn nằm trên giường, cô bèn móc túi lấy 2 cái giấy năm đồng mà đưa và nói rằng: «Tôi có 10 đồng bạc riêng của tôi đây, mình có muốn đi chơi thì lấy mà đi, chớ tôi không còn đâu nữa.»

Thượng-Tứ giựt 2 tấm giấy bạc xé tan xé nát mà quăng dưới đất và nói rằng: «Tao có phải ăn mày đâu, nên xin năm mười đồng bạc. Đừng có khinh dễ tao. Mặt này sướng lắm mà, để rồi coi thì biết.»

(*Còn nữa*)

HÃY HÚT THUỐC JOB

Bán hột xoàn có tiếng đã 20 năm nay.
XIN QUÍ BÀ QUÍ CÔ CHIẾU CỐ
O. M. IBRAHIM & Cie
44, Rue Catinat 44,
SAIGON

HÃY HÚT THUỐC JOB

Y-KHOA TẤN-SĨ
Docteur TRẦN-THỌ-ĐÔNG
Ancien Interne des Hôpitaux et de la Maternité de Perpignan (France)
Ở tại đường Thủy-binh (Rue des Marins) 137, Cholon
Dây-thép-nói: N° 418

Coi mạch mỗi ngày.
Sớm mai từ: 8 giờ tới 11.
Chiều từ: 2 giờ rưỡi tới 5 giờ.
Như ai muốn rước đi lục-tỉnh thì sẵng lòng đi.
Coi các thứ bịnh về sự sanh đẻ và dưỡng thai, hoặc lâu năm rồi mà chưa có thai đặng. Về các bịnh của đàn-bà (đường kinh không đúng kỳ, huyết-bạch, tử-cung nằm không ngay, hay là các thứ bịnh khác trong tử-cung.)

Trò chơi giải-trí

Kỳ trước có bài toán đố các em, có 5 con số, sắp như vầy :

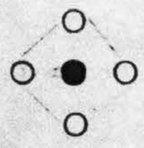

Rồi cho các em biết rằng cọng 3 số bề ngang được 21, cọng 3 số bề đứng được 15, cọng 4 số vuông vức được 22, bây giờ hỏi các em, vậy chớ có thể nào làm toán mà biết được con số ở chính giữa là con số mấy không ?

Chắc hồm rày các em cũng có làm thử chơi rồi, vậy nay xin giải ra đây cho các em biết.

Bài toán đố nầy chỉ phải mất công làm ba bài toán : Cọng, trừ, chia, là kiếm được con số ở giữa đó liền.

Đây, trước hết lấy con số bề ngang là 21 cọng với con số bề đứng là 15 thì 21 + 15 = 36. Bây giờ lấy số 36 ấy trừ với con số vuông vức 22 thì 36 — 22 = 14 lấy 14 nầy chia làm hai (con số 2 nầy là con số mượn ở ngoài) thì 14 : 2 = 7.

Con số 7 nầy tức là con số ở chính giữa bài toán, mà người ta đố các em tìm kiếm cho ra đó.

Muốn cho các em biết rằng hễ làm toán cách đó thì dầu gặp bài toán nào khác, mình cũng tìm ra con số chính giữa được hết, nên tôi ra và làm một bài toán khác cho các em coi, dưới đây :

218

132 **9** 426

513

Đó, các em đã thấy con số chính giữa là con số 9 rồi đó phải không ? Bây giờ giả đò như tôi không biết, nên các em đố tôi làm toán mà kiếm nó.

Trước hết các em nói : Cọng bề ngang (ấy là cọng 132 + 9 + 426) được **567**.

Cọng bề đứng (ấy là cọng 218 + 9 + 513) được **740**.

Cọng vuông vức (ấy là cọng 132 + 218 + 426 + 513) được **1.289**.

Bây giờ tôi bèn làm toán : Tôi cọng bề ngang 567 với bề đứng 740 thì tôi kiếm được con số : 1.307.

Tôi bắt con số 1.307 đó tôi trừ với con số vuông vức 1.289 thì (1.307—1.289) tôi kiếm được con số 18.

Tôi chia con số 18 nầy làm hai, thì tôi kiếm được con số 9 của các em đố tôi đó liền.

Còn muốn rõ ràng hơn, các em hãy đổi bài toán khác, và cứ làm theo kiểu đó mà chơi thì biết.

Mlle Kim-Ngọc

Chuyện vui

CÓ GÌ ĐÂU !

Tư Hòa làm thợ đóng giày, nghe như trong mình có bịnh, bèn lật đật tới Đốc-tơ Nam xin coi mạch. Đốc-tơ Nam thăm mạch một chút rồi nói :

— Có gì đâu.

Tư Hòa vừa móc bọt-tờ-phơi vừa hỏi :

— Bây giờ tôi phải trả tiền công cho ông bao nhiêu ?

— Ba đồng.

— Cái gì mà ăn mắc dữ vậy ? Hôm trước ông đem đôi giày lại cho tôi sửa, tôi sửa rồi đòi tiền công hai đồng, ông nói « *có gì đâu ?* » rồi ông trả cho tôi có 8 cắc, thì nay trong mình tôi cũng « *có gì đâu ?* » thì tôi cũng trả lại cho ông 8 cắc thôi chớ ?...

BẨM, TÔI VỚI NÓ Ở MỘT LÀNG

Tới ngày thi, thầy ra bài tập đặt (Rédaction) « Hãy bày tỏ hình trạng cái đình thần trong làng chúng bây coi ra sao ».

Khi học trò nạp bài, thầy giáo thấy bài trò Nam làm, sao giống hịch trò Nữ, nghi cho trò Nam lén chép bài trộm của trò Nữ, bèn kêu trò Nam lên hỏi :

— Sao bài của mầy làm giống y như bài của trò Nữ, không sai một chữ, một nét nào hết vậy ?

Trò Nam mùm-mím cười rồi đáp :

— Bẩm thầy, nó với tôi ở chung một làng mà ! ! Ym

TRÒ CHƠI GIẢI TRÍ

Chia ba cái bánh cam

Trò Tùng mới 11 tuổi, mà học hành siêng năng, ít có trò nào bì kịp. Ngày chúa-nhựt ba trò Tùng cho con 3 đồng su, biểu mua bánh lấy mà ăn. Trò Tùng vừa mới mua 3 cái bánh cam, thình lình lại có trò Bá và trò Mai, nhà ở gần bên, lợt xợt chạy tới.

Trò Tùng vui lắm, lúc bấy giờ ý muốn chia cho 2 bạn, mỗi đứa 1 bánh, song ngầm nghĩ làm sao không biết, mà không chia, lại nói :

— Nè, để tôi ra cho 2 anh một câu đố, nếu 2 anh đáp được, thì tôi thưởng mỗi người một cái bánh nghe không ?

Trò Bá và trò Mai chịu nên đồng nói một lượt :

— Đố đi ?

Trò Tùng vừa cười, vừa chỉ 3 cái bánh cam mà nói :

— Đó, 3 cái bánh cam đó, bây giờ tôi đố hai anh làm sao chia cho *«hai cha hai con»* mà mỗi một người đều được lãnh trọn một cái bánh mà ăn hết thảy ? Chia đi.

Trò Bá ngó trò Mai, hai đứa nhìn lẫn nhau mà cười, coi bộ khó tính quá. Hai cha, hai con nghĩa là *«bốn»* người, mà có 3 cái bánh cam thì làm sao chia cho mỗi người một cái được ?

Tính hoài mà tính cũng không ra, trò Bá và trò Mai nói :

— Thôi, tụi tôi chịu bí, đâu, anh chia sao được thì chia thử coi ?

— Hễ tôi chia được thì tôi không cho hai anh ăn bánh, chịu không ?

— Chịu. Mà còn như chia không được ?

— Chia không được thì 3 cái bánh nầy về phần hai anh ăn, tôi nhịn.

— Vậy thì sướng lắm. Chia đi ?

Trò Tùng cười rồi nói :

— Hai cha, hai con là 3 người chớ không phải bốn !

— Ủa, sao lạ vậy ?

— Cái gì mà lạ ? Đây nè : ông nội của anh là *«cha»* của ba anh ; ba của anh là *«cha»* của anh, đó là 2 người *«cha»* rồi thấy chưa ? Bây giờ ba của anh là *«con»* của ông nội anh, và anh là *«con»* của ba anh, là 2 người *«con»* nữa thấy chưa ? Té ra trong đám ấy có *«ba»* người : ông nội anh, ba anh và anh, mà có tới 2 cha và 2 con phải không ?

Trò Bá và trò Mai vỗ tay khen phải, và nói :

— Vậy mà tính gần chết không ra chớ !

Trò Tùng bèn lấy 3 cái bánh cam chia nhau mà ăn và chơi giỡn với nhau coi vui vẻ lắm.

Mộng-Hoa

Cuộc thi Nhi-Đồng đã hết hạn từ bữa 30 Juin rồi, xin các em đừng gởi nữa. Bổn-báo tiếp được cả thảy có hơn 2.000 bài đáp. Đó là cái chứng cớ rằng P. N. T. V. được các em ham đọc vậy.

Để một vài tuần-lễ chấm xong, ai được phần thưởng sẽ biết.

NHỮNG ĐIỀU NÊN BIẾT

Sự biết giờ khác tiến-hóa ra làm sao ?

Các em sanh ra ngày nay, có sẵn đồng-hồ chỉ giờ chỉ phút rành rẽ, nên biết được ngày giờ một cách rất đúng.

Song người đời xưa không được sung sướng như vậy đâu.

Từ xưa tới giờ, trải bao nhiêu công-phu suy nghĩ chế hóa, mới có đồng hồ cho ta dùng, ta phải nên biết. Bài nầy thuật cho các em biết sự định ngày giờ, từ xưa đến nay, đã thay đổi ra làm sao ?

1

ĐỊNH GIỜ BẰNG BÓNG NẮNG

Người xưa định giờ khắc bằng bóng nắng, kêu là « đồng-hồ bóng người ». Ngay xứ ta bây giờ, mấy nơi hương-thôn nào không có đồng-hồ, thì cũng vẫn dùng cách xem bóng mặt trời để định trưa chiều ; còn đêm thì coi sao và nghe gà gáy.

Cách nầy thí nghiệm dễ biết lắm :

Sáng mặt trời mọc đàng đông, các em ra đứng dạy lưng vào mặt trời, thì thấy bóng của các em ngã về phía tây. Lần lần mặt trời lên cao, thì bóng cũng rút lần lần lại, cho tới lúc trời giữa trưa, thì bóng liền với người không tỏa ra nữa. Qua trưa trở đi thì bóng lại ngã về phía đông, lần lần dài ra, cho tới khi mặt trời lặn, thế là chiều tối rồi.

Người xưa dùng cách xem bóng người như thế mà biết giờ đó.

Các em cặp sách đi học nên nhớ hai điều nầy :

1· Học để làm người.

2· Học để giúp nước.

NHI-ĐỒNG TIỂU-THUYẾT

CẬU BÉ ĐỜN HAY VÀ VẼ GIỎI

(*Tiếp theo*)

— Thiệt à ? người nầy có tài ít ai sánh kịp, tôi muốn biết lắm. Khi nào ông gặp cậu ấy, nhờ ông bảo giùm nên sang La-mã mà tìm tôi, có bao nhiêu tranh tôi mua hết, và muốn đòi bao nhiêu tiền tôi cũng trả cho.

San-vân-Tố đứng núp sau xe, nghe nói như vậy, bèn chạy ra tự giới-thiệu mình cho Hầu-tước biết.

Hầu-tước ngạc-nhiên, nhìn cậu hồi lâu, rồi vồn-vã nói với cậu rằng :

— Kia ra, chính cậu vẽ được bức tranh nầy ư ? Giỏi thiệt ! giỏi thiệt ! tôi mừng cho cậu lắm ! Tên cậu hiện thời tuy chưa ai biết, nhưng có một ngày kia, tên cậu sẽ lừng lẫy trong khắp nước nầy. Cậu nên cố vẽ mãi đi. Tôi khuyên cậu nên qua bên La-mã ở với tôi, tôi sẽ coi như người nhà, tôi dám cam đoan rằng những tranh cũa cậu vẽ sẽ bán được một cách rất xứng đáng.

Hầu-tước ân cần khuyến-khích cậu, rồi từ giã lên xe về La-mã, hứa sẽ có ngày tái hội.

Những lời của Hầu-tước bình-phẩm lần lần lan rộng ra khắp tỉnh. Tên San-vân-Tố, đi đến đâu cũng nghe người nhắc tới.

Bây giờ những đứa ghen ghét khinh bỉ cậu khi xưa, đều quay lại làm lành chúc tụng khẩn-khít với cậu. Thói đời đen bạc, chỉ ham chuốc lợi mua danh, nghĩ cũng buồn cười.

Cái tài của cậu bấy lâu nay bị đám mây mờ che lấp, nay đã lần lần tỏ rỏ tia sáng ra ngoài. Lần nầy cậu ra đi, hi-vọng chứa chan hơn mấy lần trước. Cậu theo lời Hầu-tước dặn, sang La-mã là nơi cậu trổ tài, mà danh tiếng về sau lẫy lừng cũng do nơi đó.

Gặp tiết mùa xuân, hơi mai đầm ấm, hoa nở đua tươi, hình như cũng có ý nong-nã nhà thiếu-niên danh-họa, bước lên con đường danh-vọng.

* *

.....

Cuộc hành-trình từ thành Náp (Naples) sang La-mã (Rôme) mà lại đi bộ vào hồi thế-kỷ thứ XVII thiệt rất là nguy-hiểm. San-vân-Tố vừa đi vừa ngắm cãnh, gặp chỗ phong-cãnh hữu tình, đình to lầu lạ, lại mở cặp ra mà vẽ. Trãi bao lên thác xuống gành, lạ nước lạ non, mà nhà thiếu-niên danh họa cũng không thấy sờn lòng.

Một buổi chiều, khi chỉ còn cách thành La-mã độ vài dặm nữa, thì gặp cơn bão tố. Lữ-hành cô độc, lại thêm chung quanh đồng vắng khoãng không ; đâu là nhà, đâu là cữa, tiền tiêu cũng hết, cái tình-cãnh của San-vân-Tố lúc bấy giờ càng thêm bối rối.

Cũng liều nhắm mắt đưa chơn, cậu đành rảo bước đi liều. Khi đi qua dãy núi, thời may trông thấy một túp nhà lá, ở trong có thắp thoáng ngọn đèn. Vừa khi ấy trong nhà có một ông già mở cữa ra ngắm phía trời đen nghẹt. San-vân-Tố lại gần, chào và hỏi rằng :

— Xin ông làm ơn chỉ giùm, gần đây có quán xá nào cho ở đậu không ?

Ông già trả lời : « Hàng cơm thì ở mút trong làng mới có, nhưng còn xa lắm. »

— Thưa được, ông cứ chỉ giùm đường đi để tôi đi ngay kẻo mưa tới lớn lắm.

Ông già ở cái nhà nầy là một người nông-phu, rất thiệt thà hiền hậu, khi nghe San-vân-Tố nói dứt lời liền nói :

— Chết nỗi ! phong ba bão tố như thế kia thì đi sao được ? Tôi không khi nào để một người nhỏ tuổi như cậu mạo hiểm như vậy được, huống chi từ đây tới đó, còn phải lội qua mấy cái đầm, trèo qua mấy ngọn núi, mưa gió nặng nề, cậu không thể vượt qua đặng đâu. Thôi, nhơn tiện sẵn nhà sắp sữa ăn cơm, cậu hảy vào ăn với chúng tôi luôn thể rồi tối ngũ đây, sáng mai hảy đi.

Ông già vừa nói vừa kéo San-vân-Tố vào nhà. Cậu thấy nhà đông trẻ đã toan từ chối, nhưng thấy ông già vẻ mặt nhơn từ thành thiệt, nên cũng vui lòng nghe theo.

Ông già dẫn San-vân-Tố vào trong bếp lữa, hơ khô quần áo rồi cùng cũ nhà ngồi lại ăn cơm. Bữa cơm hôm đó thiệt vui, tuy rằng khoai cháo lôi thôi, nhưng gặp lúc đói bụng và cũm lòng hào-hiệp của ông già, San-vân-Tố ăn rất ngon miệng.

Đương lúc ăn uống, ông già lại hỏi cậu rằng :

— Tôi xem hình như cậu không phải người xứ La-mã, vậy cậu ở đâu tới đây.

— Thưa ông, tôi ở thành Náp, tôi đi từ nhà tới đây, toàn đi bộ cã.

— Kia ! Ở Náp thì còn đâu tốt đẹp hơn nữa, sao không ở mà lại tới đây làm gì ?

— Thưa sở dĩ tôi bỏ tỉnh bỏ nhà mà sang La-mã là vì đây là nơi xuất-sản mỹ-thuật, còn tôi lại là một nhà hội-họa.

(*Còn nữa*)

HOÀI-SƠN, dịch thuật.

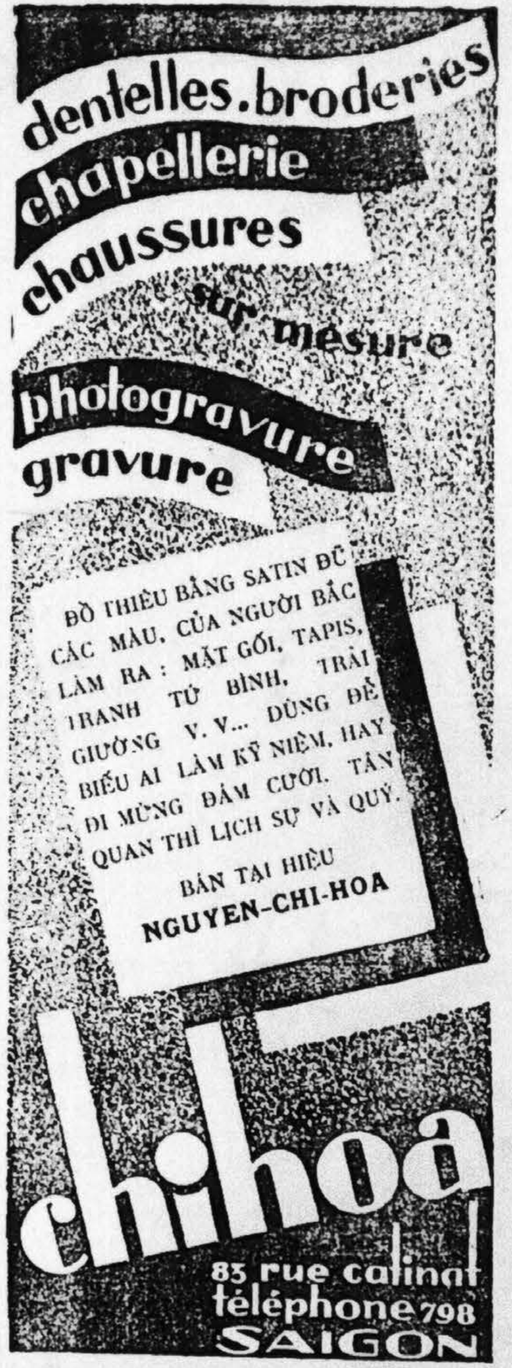

MỚI RA ĐỜI

Quí ông Điền chủ, Nghiệp chủ, Thương-gia, Hương chức, thường hay làm các thứ giấy tờ nầy kia thì nên mua một cuốn :

TỪ-HÀN BỔN-QUỐC

của ông LÊ QUANG-GIÁP

Cựu Đại-tiểu No-te đã dày công soạn ra.

Trong cuốn sách nầy có đủ kiểu thơ từ, đơn trạng tờ phúc bẩm về bổn-phận làm làng, tờ cờ, tờ mướn, tờ mua bán, bán ruộng, tờ tự thuận, tờ giao kèo, tờ tông-chỉ, tờ hỏi bổn tộc, tờ tương phản, tờ thuận phân gia tài, tờ di-chúc, tờ giao quyền cho người khác, tờ vay, tờ thục ruộng, vườn đất, tờ chuyển thục, v.v. Nói tóm lại thì cuốn sách nầy là một người kỳ-lục giỏi, thông thạo việc hình, việc hộ, việc bổ biếu, làm các thứ giấy tờ gì đều làm đúng đúng theo phép luật.

Sách dày hơn 200 trương, bìa cứng, giá bán 1$20 một cuốn, xin do nơi nhà in và nhà bán sách J. Nguyễn-văn-Việt, 85-87 rue d'Ormay Saigon.

Nota — *Mua sĩ về bán lại từ 10 cuốn sắp lên huê hồng 30 o/o, từ 50 cuốn sắp lên huê hồng 40 o/o.*

DENTELLES et BRODERIES

Mấy nhà sành mua đồ thêu thì không có nhà nào mà không biết hiệu :

NGUYỄN-VĂN-DIỆM

9 & 11, Rue Paul Blanchy

(Lối ngang nhà máy nước đá) Saigon

Lại mua đồ thêu, Dentelles nơi đây cũng như mua tại nhà nghề ở Hanoi, vì đây là chỗ trữ và đại-lý cho các hiệu thêu lớn ở Hà-thành. Về đồ Broderies và Dentelles thì luôn luôn thứ gì kiểu gì cũng có sẵng cho qui khách mặc tình lựa chọn.

Le Directeur Gérant : NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN